*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**CHỦ ĐỀ 1: NHỮNG CÂU CHUYỆN LỊCH SỬ**

**Tiết 1,2,3,4,5**

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN TRUYỆN LỊCH SỬ**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận biết các đặc điểm của truyện lịch sử (cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ; chủ đề, tư tưởng, thông điệp);

- Năng lực đọc hiểu các văn bản truyện lịch sử trong và ngoài SGK.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm trong mỗi con người.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC VỀ THỂ LOẠI TRUYỆN LỊCH SỬ**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của thể loại truyện lịch sử.

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**( THỜI GIAN DỰ KIẾN THỰC HIỆN: 20 PHÚT)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,  - HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV các đơn vị kiến thức cơ bản của thể loại truyện lịch sử.  **Câu hỏi:**  - Em hãy nêu lại một số kiến thức chung về thể loại truyện lịch sử, đặc trưng (cốt truyện; ngôn ngữ).  -Em hãy nêu chủ đề của tác phẩm văn học.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tích cực trả lời.  - GV khích lệ, động viên.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  **-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, nhận xét** | **I. Một số kiến thức chung về thể loại truyện lịch sử**  1. Khái niệm  *Là những tác phẩm truyện tái hiện lại nhân vật, sự kiện ở 1 thời gian của 1 giai đoạn lịch sử cụ thể.*  *Bối cảnh của thời đại trong quá khứ thường hiện lên 1 cách sống động dựa vào khả năng tưởng tượng, hư cấu của nhà văn.*  2. Đặc trưng  - Cốt truyện: Là những sự kiện đã xảy ra, được nhà văn tái tạo, hư cấu và sắp xếp theo ý đồ nghệ thuật.  - Nhân vật:  +Thường là những nhân vật nổi tiếng (*Vua, chúa, anh hùng, danh nhân,…)*  + Các nhân vật thường hiện ra dưới cái nhìn riêng, thể hiện sự lí giải độc đáo của nhà văn.  - Ngôn ngữ:  + Có thể viết bằng văn xuôi hoặc văn vần.  + Thể loại đa dạng.  + Thường mang những đặc trưng riêng, phù hợp với thời đại và mang nét tính cách của các đối tượng khác nhau.  II. Chủ đề của tác phẩm văn học  - Khái niệm: Là vấn đề trung tâm, ý nghĩa cốt lõi hoặc thông điệp chính mà tác giả truyền tải tới người đọc.  - Cách xác định:  + Dựa vào nội dung, sự việc chính.  + Dựa vào hệ thống nhất vận,  + Dựa vào cách đánh giá, thái độ của tác giả |

**CÁC VĂN BẢN TRUYỆN LỊCH SỬ ĐƯỢC HỌC TRONG BỘ SÁCH KNTT 8**

|  |  |
| --- | --- |
| **VĂN BẢN 1** | **LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG ( NGUYỄN HUY TƯỞNG)** |
| **VĂN BẢN 2** | **QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH (NGÔ GIA VĂN PHÁI)** |

**ÔN TẬP VĂN BẢN 1: LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG**

**HOẠT ĐỘNG 1: NHẬN DIỆN ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI TRUYỆN LỊCH SỬ QUA VĂN BẢN LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát vấn câu hỏi, phiếu học tập, yêu cầu HS trả lời và hoàn thành nội dung phiếu học tập.  ***Câu hỏi phát vấn****: Dựa vào kiến thức đã học, em liệt kê những yếu tố giúp ta có thể nhận biết một câu chuyện lịch sử?*  ***Câu hỏi phiếu học tập:*** *Em hãy điền các thông tin vào bảng thống kê sau để chứng minh* ***Lá cờ thêu sáu chữ vàng*** *là một tác phẩm truyện lịch sử.*   |  |  | | --- | --- | | ***Yếu tố*** | ***Biểu hiện*** | | ***Bối cảnh*** |  | | ***Cốt truyện*** |  | | ***Nhân vật*** |  | | ***Ngôn ngữ*** |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi phát vấn, ghi đáp án ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời phát biểu, yêu cầu lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | 1. Để xác định được tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* là một câu chuyện lịch sử, ta cần căn cứ vào đặc điểm của thể loại truyện lịch sử như: *Bối cảnh, cốt truyện, nhân vật và ngôn ngữ.*   |  |  | | --- | --- | | ***Yếu tố*** | ***Biểu hiện*** | | ***Bối cảnh*** | Câu chuyện xảy ra vào thời nhà Trần (Thế kỉ 13), lúc đó dân tộc ta đang phải đối mặt với sự xâm lược của giặc Nguyên Mông lần thứ 2. | | ***Cốt truyện*** | ***Gồm những sự kiện có thật trong lịch sử:***  -Vua Trần và các vương hầu họp bàn kế sách chống giặc Nguyên Mông tại bến Bình Than.  -Do nhỏ tuổi, Trần Quốc Toản không được dự họp nên chàng không màng sống chết xông vào thuyền đòi gặp vua để bày tỏ mong muốn đánh giặc.  -Vua hiểu nỗi lòng của chàng nên không trách phạt mà ban cho một quả cam.  - Quốc Toản quyết định trở về quê chiêu mộ binh mã để đánh giặc. | | ***Nhân vật*** | Trần Quốc Toản, vua Thiệu Bảo ( Tức vua Trần Nhân Tông), Hưng Đạo Vương, Chiêu Quốc Vương, Chiêu Minh Vương, Chiêu Thành Vương là những nhân vật có thật trong lịch sử. | | ***Ngôn ngữ*** | Sử dụng các từ ngữ mang màu sắc lịch sử, thời đại xa xưa như:*thần tử, hội sư, vương hầu, đồ nghi trượng, người nội thị, chiêu binh mãi mã…*  Ngôn ngữ đối thoại của nhân vật thể hiện nguyên tắc giao tiếp của thời đại như:*Cúi xin quan gia cho chém đầu để nghiêm quân lệnh; Ta tâu với quan gia cho đánh; Quan gia ban cho ta quả cam này; Ơn vua lộc nước, ta đem về biếu mẫu thân.* | |

**HOẠT ĐỘNG 2. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu tri thức ngữ văn về truyện lịch sử (cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ; chủ đề, tư tưởng, thông điệp); cách đọc hiểu văn bản truyện lịch sử.

Ngữ liệu sử dụng các văn bản truyện lịch sử trong (bộ KNTT) và ngoài SGK.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **BÀI TẬP 1:**  **Mục tiêu:** giúp HS khắc sâucác đơn vị kiến thức cơ bản về tác phẩm đã học trong chương trình.  **Tổ chức thực hiện:** Sử dụng phiếu bài tập trắc nghiệm nhằm kích hoạt khả năng xử lí các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát phiếu câu hỏi trắc nghiệm.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi trong phiếu.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi phát vấn, ghi đáp án ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời phát biểu, yêu cầu lớp nhận xét, góp ý (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **Động viên, khích lệ các hs có nhiều câu trả lời đúng.**    **BÀI TẬP 2:**  **Mục tiêu:** giúp HS rèn kĩ năng trình bày suy nghĩ, cảm nhận của mình về nhân vật, chi tiết sự việc trong tác phẩm văn học trước đám đông.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **-** GV yêu cầu HS đọc lại văn bản trong SGK.  ( Phân vai cho hs đọc)  - GV phát vấn:  *Câu 1: Em có những ấn tượng như thế nào về nhân vật Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản?*  *Câu 2: Chi tiết Trần Quốc Toản bóp nát quả cam thể hiện điều gì?*  *Câu 3: Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi phát vấn, ghi đáp án ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời phát biểu, yêu cầu lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **BÀI TẬP 3**  **Mục tiêu:** giúp HS củng cố thêm kĩ năng làm bài đọc hiểu qua một đoạn trích với các dạng câu hỏi khác nhau.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **-** GV phát phiếu học tập cho HS .  **Đọc kĩ đoạn văn sau**  *[…] Suốt ngày hôm qua, Hoài Văn ruổi ngựa đi tìm vua, quên không ăn uống. Hôm nay, đợi mãi từ sớm đến trưa, Hoài Văn thấy đói cồn cào, mắt hoa lên, đầu choáng váng, chân tay buồn bã. Hoài Văn không chịu được nữa. Đứng mãi đây cho đến bao giờ? Thôi thì liều một chết vậy. Ta cứ xuống, chỉ nói hai tiếng xin đánh, rồi mặc cho triều đình luận tội. Hoài Văn xô mấy người lính Thánh Dực ngã chúi, xăm xăm xuống bến. Một viên tướng hốt hoảng chạy tới, níu áo Hoài Văn lại. Quốc Toản tuốt gươm:*  *- Không buông ra, ta chém!*  *Lính ập đến giữ lấy Hoài Văn. Thực ra, vì nể chàng là một vưong hầu, nên họ đã để cho chàng đứng đấy từ sáng. Nay thấy Hoài Văn làm quá, viên tướng nói:*  *- Quân pháp vô thân, hầu không có phận sự ở đây, nên trở ra cho anh em làm việc. Nhược bằng khinh thường phép nước, anh em tất phải chiếu theo thượng 1ệnh.*  *Hoài Văn đỏ mặt bừng bừng, quát lớn:*  *- Ta xuống xin bệ kiến quan gia, không kẻ nào được giữ ta lại. Lôi thôi thì hãy nhìn lưỡi gươm này!*  *Viên tướng tái mặt, hô quân sĩ vây kín lấy Hoài Văn. Quốc Toản vung gươm múa tít, không ai dám tới gần. Tiếng kêu, tiếng thét náo động cả bến sông.*  (Trích Lá cờ thêu sáu chữ vàng - Nguyễn Huy Tưởng).  **\* Trả lời các câu hỏi bằng cách chọn đáp án đúng nhất:**  **1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là gì?**  A.Tự sự  B. Miêu tả  C. Biểu cảm  D. Nghị luận  **2**. **Ngôi kể nào được sử dụng trong đoạn văn?**  A. Ngôi thứ nhất  B. Ngôi thứ 2  C. Ngôi thứ 3  D. Không có ngôi kể.  **3. Nhân vật chính trong đoạn trích là ai?**  A. Vua  B. Viên tướng  C. Hoài Văn  D. Viên tướng và Hoài Văn  **4. Sự việc Hoài Văn gây náo loạn diễn ra ở đâu?**  A. Bến Nhà Rồng  B. Bến Bình Than  C. Bến Sông Hương  D. Sông Bến Hải Câu .  **5. Tại sao Hoài Văn lại không được tham gia cuộc họp ở Bến Bình Than?**  A. Vì chàng chưa đủ tuổi.  B. Vì chàng không đủ tài năng để dự họp.  C. Vì vua cấm chàng không được họp.  D. Vì chàng muốn tới đó để tỏ rõ uy thế của mình.  **6. Tại sao Hoài Văn lại muốn gặp vua?**  A. Vì Hoài Văn và vua có mối quan hệ ruột thịt.  B. Vì Hoài Văn muốn tham gia nghị bàn việc nước.  C. Vì Hoài Văn muốn bày tỏ quan điểm và nói với vua “xin đánh” giặc chứ không cho giặc mượn đường.  D. Không có lí nào cả.  **7. Tại sao quân lính lại nể mặt Hoài Văn và cho chàng đứng trên bến Bình Than từ sáng?**  A. Vì Hoài Văn là một vương hầu.  B. Vì Hoài Văn rất cứng cỏi.  C. Vì Hoài Văn là một người khó bảo.  D. Vì ai cũng sợ Hoài Văn chém.  **8. Câu văn nào diễn tả hành động quyết tâm gặp vua bằng mọi giá của Hoài Văn?**  A. Không buông ra, ta chém!  B. Ta xuống xin bệ kiến quan gia, không kẻ nào được giữ ta lại. Lôi thôi thì hãy nhìn lưỡi gươm này!  C. Cả A và B  D. Xin hãy cho ta được gặp bệ hạ.  **9. Những câu văn nào trong đoạn diễn tả suy nghĩ của Hoài Văn để chàng quyết định xuống bến gặp bằng được nhà vua?**  A. Đứng mãi đây cho đến bao giờ? Thôi thì liều một chết vậy. Ta cứ xuống, chỉ nói hai tiếng xin đánh, rồi mặc cho triều đình luận tội.  B. Đứng mãi đây cho đến bao giờ?  C. Thôi thì liều một chết vậy.  D. Ta cứ xuống, chỉ nói hai tiếng xin đánh, rồi mặc cho triều đình luận tội.  **\* Suy nghĩ và trả lời các câu hỏi sau bằng vài gạch đầu dòng.**  **Câu 1. Em cảm nhận được điều gì về nhân vật Hoài Văn qua dòng độc thoại sau:***“Đứng mãi đây cho đến bao giờ? Thôi thì liều một chết vậy. Ta cứ xuống, chỉ nói hai tiếng xin đánh, rồi mặc cho triều đình luận tội.”?*  **Câu 2. Từ câu chuyện của Hoài Văn, em có cho rằng trong cuộc sống, người không tuân thủ quy định, luật lệ luôn đáng trách không? Vì sao?**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi phiếu học tập và chuẩn bị trình bày câu hỏi tự luận.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày đáp án.  - GV yêu cầu lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **BÀI TẬP 4**  **Mục tiêu:** Rèn luyện kĩ năng viết đoạn văn cảm nhận về nhân vật trong tác phẩm văn học cho HS.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ, hướng dẫn hs lập ý viết đoạn.  - GV yêu cầu HS làm theo hướng dẫn.  ***Câu hỏi****:* Em hãy viết một đoạn văn ngắn từ 4 đến 7 câu nêu cảm nhận về nhân vật Trần Quốc Toản qua đoạn trích *Lá cờ thêu sáu chữ vàng.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS viết đoạn văn và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời hs phát biểu, yêu cầu lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, sửa lỗi cho hs. | **BÀI TẬP 1: Chọn 1 đáp án đúng nhất để trả lời câu hỏi**  **Câu 1:**  Lá cờ thêu sáu chữ vàng thuộc thể loại truyện gì?   1. Truyện lịch sử. 2. Truyện đồng thoại. 3. Truyện ngắn. 4. Hồi kí.   **Câu 2:**  Tác giả của “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” là ai?   1. Nguyễn Huy Tưởng. 2. Xuân Diệu. 3. Tố Hữu. 4. Nguyễn Du.   **Câu 3:**  “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” sáng tác năm bao nhiêu?   1. 1942. 2. 1960. 3. 1946. 4. 1961.   **Câu 4:** “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” gồm bao nhiêu phần?   1. 16 phần. 2. 17 phần. 3. 18 phần. 4. 19 phần.   **Câu 5:** Văn bản “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” trong SGK được trích từ phần nào của tác phẩm?   1. Trích phần 1 của tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng.* 2. Trích phần 2 của tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng.* 3. Trích phần 3 của tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng.* 4. Trích phần 4 của tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng.*   **Câu 6:** Nhân vật chính trong tác phẩm “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” là ai?   1. Văn Hoài. 2. Trần Quốc Tuấn. 3. Hưng Đạo Vương. 4. Trần Quốc Toản.   **Câu 7:** Trần Quốc Toản là một thiếu niên sớm mồ côi mẹ đúng hay sai?   1. Đúng. 2. Sai.   **Câu 8:** Giặc Nguyên có âm mưu gì đối với nước ta?   1. Cấu kết với nước ta xâm chiếm nước khác. 2. Thông thương với nước ta. 3. Giúp đỡ nước ta. 4. Xâm chiếm nước ta.   **Câu 9:** Trần Quốc Toản xin gặp vua để làm gì?   1. Để xin vua ra lệnh hòa hoãn. 2. Để xin vua ra lệnh đầu hàng. 3. Để xin vua ra lệnh đánh giặc. 4. Để xin vua ra lệnh rút lui.   **Câu 10:** Gặp được vua, Trần Quốc Toản đã nói gì với vua?   1. Xin quan gia cho đánh! Cho giặc mượn đường là mất nước. 2. Xin quan gia suy xét! Cho giặc mượn đường là mất nước. 3. Xin quan gia cảnh giác! Cho giặc mượn đường là mất nước. 4. Xin quan gia cân nhắc! Cho giặc mượn đường là mất nước.   **Câu 11:** Cốt truyện *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* dựa trên bối cảnh lịch sử nào?   1. Cuộc kháng chiến chống Pháp. 2. Cuộc kháng chiến chống Mỹ. 3. Cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên xâm lược lần thứ hai. 4. Cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên xâm lược lần thứ nhất.   **Câu 12:** Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản có tâm trạng như thế nào khi phải đứng trên bờ nhìn quang cảnh một sự kiện đặc biệt đang diễn ra ở bến Bình Than?   1. Vô cùng ấm ức, vừa hờn vừa tủi. 2. Vui mừng, hạnh phúc. 3. Buồn bã, do dự. 4. Tất cả các đáp án trên đều sai.   **Câu 13:** Quang cảnh, không khí ở bến Bình Than – nơi diễn ra hội nghị quan trọng như thế nào?   1. Đầy những thuyền lớn của các vương hầu về hội sư, các vị vương chức quyền cao nhất của triều đình, thuyền ngự, không khí trang nghiêm, tĩnh mịch. 2. Đầy những thuyền lớn nhỏ, cờ, hoa và biểu ngữ, không khí vui tươi, hân hoan. 3. Tấp nập người qua lại, nhộn nhịp, không khí mới lạ đầy thú vị. 4. Đầy những thuyền lớn của vua quan, không khí vui vẻ.   **Câu 14:** Tác phẩm khai thác những gương mặt tiêu biểu nào?   1. Thúy Kiều, Thúy Vân, Sở Khanh. 2. Sơn Tinh, Thủy Tinh. 3. Mị Châu, Trọng Thủy. 4. Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật.   **Câu 15:** Điều gì sẽ xảy ra khi Hoài Văn có hành động vượt khuôn phép?   1. Hoài Văn sẽ được gặp vua. 2. Hoài Văn sẽ bị binh lính bắt giữ. 3. Hoài Văn sẽ chết. 4. Đáp án A,C đúng.   **Câu 16:** Hưng Võ Vương, Hưng Trí Vương, Hưng Hiếu Vương – các con trai của Hưng Đạo Vương hơn Hoài Văn bao nhiêu tuổi?   1. 3 tuổi. 2. 4 tuổi. 3. 5 tuổi 4. Dăm 6 tuổi.   **Câu 17:** Hoài Văn có hành động gì khi không chịu được cảnh chờ đợi?   1. Liều mạng xô mấy người lính Thánh Dực ngã chúi, xăm xăm xuống bến. 2. Mắt trừng lên một cách điên dại: “Không buông ra, ta chém!”. 3. Mặt đỏ bừng bừng, quát binh lính. 4. Tất cả các đáp án trên đều đúng.   **Câu 18:** Hoài Văn giải thích như thế nào về hành động liều mạng của mình?   1. Khi có quốc biến, đến đứa trẻ cũng phải lo. 2. Vua lo thì thần tử cũng phải lo. 3. Tuy Hoài Văn chưa đến tuổi dự bàn việc nước nhưng chàng không phải giống cỏ cây nên không thể ngồi yên được. 4. Tất cả các đáp đều đúng.   **Câu 19:** Chọn câu **không** đúng trong các câu dưới đây   1. Trần Quốc Toản là thiếu niên anh hùng, sau này chính là Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn. 2. Trần Quốc Toản là anh vua Trần Nhân Tông, tham gia kháng chiến chống giặc Nguyên. 3. Trần Quốc Toản là con trai vua Trần Nhân Tông, tham gia kháng chiến chống giặc Nguyên. 4. Trần Quôc Toản là em vua Trần Nhân Tông, tham gia kháng chiến chống giặc Nguyên.   **Câu 20:** Vì sao vua không những tha tội mà còn ban cho Quốc Toản cam quý?   1. Vì Quốc Toản là em trai vua nên có thể tha thứ được. 2. Vì vua cho rằng quốc toản còn nhỏ tuổi nên nông nổi. 3. Vì vua thấy Quốc Toản còn nhỏ mà có chí lớn. 4. Vì Quốc Toản thuộc tôn thất.   **BÀI TẬP 2:**  **Câu 1:** Ấn tượng về nhân vật Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản:   * *Tuổi trẻ, nóng tính, thiếu kiềm chế bản thân.* * *Mạnh mẽ, dũng cảm, ngay thẳng, dám làm dám chịu.* * *Có lòng yêu quê hương và có ý thức trách nhiệm với vận mệnh của đất nước.*   **Câu 2:** Chi tiết Trần Quốc Toản bóp nát quả cam thể hiện:tâm trạng *tủi hổ vì bị coi thường là trẻ con, uất giận, căm thù lũ giặc và quyết tâm đánh giặc cứu nước của Trần Quốc Toản.*  **Câu 3:** Bài học gì từ câu chuyện:   * *Tuổi trẻ phải có trách nhiệm với đất nước.* * *Biết đặt lợi ích của đất nước lên trên lợi ích của bản thân.* * *Góp công sức của mình để bảo vệ, xây dựng quê hương đất nước.* * *Khi quyết tâm thực hiện điều gì thì phải cố gắng tìm mọi cách dể đạt được kết quả như mong muốn.* * *Người lãnh đạo cần có cái nhìn độ lượng, khoan dung với cấp dưới, không trách nhầm, phạt nhầm với người ngay thẳng, chính trực.*   **BÀI TẬP 3**  ***Gợi ý đáp án câu 1***  - Hoài Văn nôn nóng, sốt ruột muốn được muốn gặp vua; dám liều mạng dù biết là tội chết vì Hoài Văn biết nếu triều đình cho giặc mượn đường sẽ mất nước, chàng rất lo cho sự an nguy của đất nước, vì thế thà liều chết còn hơn mất nước.  - Hoài Văn là người tuổi trẻ nhưng đầy dũng cảm, bản lĩnh, có chí khí, trí tuệ, tầm nhìn và đặc biệt có lòng yêu nước, sẵn sàng xả thân vì đất nước…  ***Gợi ý đáp án câu 2***  \* Không đáng trách  - Nếu luật lệ cứng nhắc, vô lý.  - Nếu sự việc cấp bách, không thể chậm trễ, trì hoãn. Hoài Văn không tuân thủ phép nước. Song, đặt vào hoàn cảnh cụ thể lúc bấy giờ, khi vận nước lâm nguy, việc nước không thể chậm trễ thì sự không tuân thủ của Hoài Văn lúc đó lại là cần thiết.  \* Đáng trách  Quy định, luật lệ nếu đúng thì việc tuân thủ là vô cùng cần thiết.  Bởi vậy, nếu không tuân thủ sẽ là đáng trách vì:  + Thể hiện tính vô tổ chức kỷ luật, không tôn trọng người khác, không tôn trọng tập thể.  + Gây ảnh hưởng đến tập thể, thậm chí gây ra những hậu quả tai hại khôn lường…  \* Vừa đáng trách, vừa không đáng trách  - Kết hợp hai cách lí giải trên.  **BÀI TẬP 4**  **Em hãy viết một đoạn văn ngắn từ 4 đến 7 câu nêu cảm nhận về nhân vật Trần Quốc Toản qua đoạn trích *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*.**  *“Lá cờ thêu sáu chữ vàng” của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng là một tác phẩm truyện lịch sử tiêu biểu kể về sự việc giặc Nguyên Mông sang xâm lược nước ta lần thứ 2 (năm 1285). Đây là giai đoạn lịch sử hào hùng với hào khí Đông A tỏa sáng. Đọc xong tác phẩm, chúng ta không khỏi cảm thán về Trần Quốc Toản - nhân vật chính của truyện. Trần Quốc Toản được xây dựng trong tác phẩm là một thiếu niên anh dũng, sớm có ý thức trách nhiệm với non sông. Tủi hổ vì bị coi là trẻ con,không được tham gia Hội nghị Diên Hồng, Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản đã nhịn đói, rong ruổi ngựa suốt một ngày dưới nắng hè tìm đến bến Bình Than - nơi họp bàn việc nước của nhà vua, xông vào đó bất chấp sự ngăn cản của các tướng sĩ chỉ để bày tỏ ý chí quyết tâm đánh giặc mà không màng nguy hiểm đến tính mạng. Uất giận, căm thù lũ giặc cướp nước,Trần Quốc Toản đã tự dựng cờ nghĩa với sáu chữ vàng Phá cường địch báo hoàng ân, nhanh chóng thu phục được hơn sáu trăm trai tráng thành lập quân đội, luyện tập võ nghệ, lên đường đánh giặc… Có thể nói, qua hình tượng Hoài V ăn Hầu, Nguyễn Huy Tưởng đã rất thành công khi khắc họa tấm gương thiếu niên yêu nước dũng cảm để người đời sau học tập và noi theo.* |

* **HƯỚNG DẪN HS LÀM CÁC BÀI ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGOÀI SGK**

**ĐỀ 1: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

*( …) Một hôm Quốc Tuấn vờ hỏi con ông là Hưng Vũ Vương : “Người xưa có cả thiên hạ để truyền cho con cháu, con nghĩ thế nào?” Hưng Vũ Vương thưa: “Dẫu khác họ cũng không nên, huống chi là cùng một họ!” Quốc Tuấn ngẫm cho là phải.*

*Lại một hôm Trần Quốc Tuấn đem chuyện ấy hỏi người con thứ là Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng. Quốc Tảng tiến lên thưa:“Tống Thái Tổ vốn là một ông lão làm ruộng, đã thừa cơ dấy vận nên có được thiên hạ” Quốc Tuấn rút gươm kể tội:“Tên loạn thần là từ đứa con bất hiếu mà ra”. Định giết Quốc Tảng, Hưng Vũ Vương hay tin, vội chạy tới khóc lóc xin chịu tội thay, Quốc Tuấn mới tha. Đến đây, ông dặn Hưng Vũ Vương: “Sau khi ta chết, đậy nắp quan tài đã rồi mới cho Quốc Tảng vào viếng.”(…)*

(Trích Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, Trang 43, SGK Ngữ văn 10, Tập II, NXBGD 2006)

1. Văn bản trên kể về sự việc gì?

2. Xác định phương thức biểu đạt của văn bản?

3. Xác định biện pháp nghệ thuật nổi bật trong thái độ của Hưng Đạo Vương với 2 người con trai? Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp đó?

4. Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về bài học giáo dục con cái trong cuộc sống hôm nay.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

1. Văn bản trên kể về sự việc: Quốc Tuấn thử thách với hai người con trai Quốc Hiến và Quốc Tảng với hai câu trả lời trái ngược nhau và hai thái độ khác nhau.

2. Phương thức biểu đạt của văn bản: tự sự.

3. Biện pháp nghệ thuật nổi bật trong thái độ của Hưng Đạo Vương với 2 người con trai: biện pháp đối lập.

Hiệu quả nghệ thuật: Qua biện pháp đối lập, câu chuyện thử thách với hai người con trai Quốc Hiến và Quốc Tảng với hai câu trả lời trái ngược nhau và hai thái độ khác nhau: ngầm cho là phải (với Quốc Hiến) và định giết, kể tội, đến chết không cho gặp mặt…(với Quốc Tảng) đã càng làm rõ tính cách thận trọng, trung nghĩa và lối giáo dục con cái trong nhà một cách rất công bằng và nghiêm khắc của Hưng Đạo Vương.

4. Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

- Hình thức:

- Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành.

- Nội dung:

+ Cách giáo dục con cái của Hưng Đạo Vương vừa công bằng, vừa nghiêm khắc. Hưng Vũ Vương có cách trả lời ứng xử thấu tình đạt lí. Quốc Tảng trả lời có ý bất trung đã làm cho Hưng Đạo Vương nổi giận rút gươm định trị tội đứa con nghịch tử.

+ Ngày nay, những bậc làm cha mẹ cần học cách giáo dục con cái một cách đúng đắn. Được giáo dục tốt, con người sẽ sống lương thiện, tích cực, có trách nhiệm với xã hội, gia đình, bản thân. Không nhận được sự giáo dục tốt, con người sẽ trở nên ích kỷ, xấu xa, độc ác.

+ Trong xã hội hiện nay có nhiều cha mẹ nuông chiều con cái, chăm lo về tri thức, vật chất nhưng thiếu quan tâm, uốn nắn đến tính cách cho con dẫn đến nhiều bạn trẻ sống ích kỷ, có suy nghĩ lệch lạc, sai lầm.

**ĐỀ 2: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

*Tháng 6, ngày 24, sao sa. Hưng Đạo Vương ốm. Vua ngự tới nhà thăm, hỏi rằng:*

*“Nếu có điều chẳng may, mà giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì kế sách như thế nào?”*

*Hưng Đạo Vương trả lời:*

*- “Ngày xưa Triệu Vũ dựng nước, vua Hán cho quân đánh, nhân dân làm kế thanh dã, đại quân ra Khâm Châu, Liêm Châu đánh vào Trường Sa, còn đoản binh thì đánh úp phía sau. Đó là một thời. Đời Đinh, Lê dùng người tài giỏi, đất phương Nam mới mạnh mà phương Bắc thì mệt mỏi suy yếu, trên dưới một dạ, lòng dân không lìa, xây thành Bình Lỗ mà phá được quân Tống. Đó lại là một thời. Vua Lý mở nền, nhà Tống xâm phạm địa giới, dùng Lý Thường Kiệt đánh Khâm, Liêm, đến tận Mai Lĩnh là vì có thế. Vừa rồi Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây. Vì vua tôi đồng tâm, anh em hòa mục, cả nước góp sức, giặc phải bị bắt. Đó là trời xui nên vậy. Đại khái, nó cậy trường trận, ta dựa vào đoản binh. Dùng đoản binh chế trường trận là sự thường của binh pháp. Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì thế dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như các tằm ăn, không cầu thắng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được. Vả lại, khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy.”*

(Trích Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, Trang 42, SGK Ngữ văn 10,Tập II, NXBGD 2006)

1/ Nêu ý chính của văn bản trên ?

2/ Xác định biện pháp tu từ( về từ) trong đoạn: Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì thế dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như các tằm ăn, không cầu thắng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được. Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó?

3/ Trong văn bản có nói đến binh pháp. Binh pháp là gì? Binh pháp của Hưng Đạo Vương có điểm gì đáng chú ý?

4/ Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về bài học khoan thư sức dân của Hưng Đạo Vương trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

1/ Văn bản trên có ý chính: Lời trình bày về kế sách giữ nước của Trần Quốc Tuấn với vua.

2/ Biện pháp tu từ( về từ): so sánh:

*- Quân nó kéo đến như lửa, như gió*

*- Nó tiến chậm như các tằm ăn*

- Xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy

- Có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được

Hiệu quả nghệ thuật: hàng loạt so sánh làm cho cách diễn đạt gợi hình ảnh cụ thể, qua đó thấy được tài năng trong cách dùng binh cũng như thấy được tầm nhìn sâu rộng của nhà quân sự Hưng Đạo Vương khi ông đề cao sức mạnh của tinh thần đoàn kết toàn dân sẽ chống giặc thành công.

3/ Binh pháp là hệ thống tri thức về những vấn đề lí luận quân sự nói chung và phương pháp tác chiến nói riêng.

- Binh pháp của Hưng Đạo Vương có điểm đáng chú ý là chống giặc phải tuỳ thời mà tạo thế, phải vận dụng linh hoạt, không có một khuôn mẫu nào nhất định.

4/ Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

- Hình thức:

- Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành.

- Nội dung:

+ Tư tưởng khoan thư sức dân của Hưng Đạo Vương là biết thương yêu dân, trọng dân và chăm lo cho dân hết mực.

+ Những biểu hiện cụ thể khoan thư sức dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay: trong lãnh đạo, Đảng ta luôn phát huy truyền thống lấy dân làm gốc của cha ông. Đó là chăm lo đời sống vật chất và văn hoá tinh thần cho nhân dân, nhất là những đồng bào nơi đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc, miền núi, hải đảo xa xôi.

+ Phê phán tệ nạn tham ô, tham nhũng, lãng phí, những kẻ sống trên mồ hôi nước mắt của nhân dân.

+ Bài học nhận thức và hành động: thể hiện lòng biết ơn nhân dân, đóng góp sức mình trong xây dựng và bảo vệ cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

**Đề 3: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

*Quốc Tuấn là con Yên Sinh Vương, lúc mới sinh ra, có một thầy tướng xem cho và bảo: “[Người này] ngày sau cổ thê giúp nước cứu đời”. Đến khi lớn lên, dung mạo khôi ngô, thông minh hơn người, đọc rộng các sách, có tài văn võ. Yên Sinh Vương trước đây vốn có hiềm khích với Chiêu Lăng, mang lòng hậm hực, tìm khắp những người tài nghệ để dạy Quốc Tuấn […]*

*Ông lại khéo tiến cử người tài giỏi cho đất mrớc, như Dã Tượng, Yết Kiêu là gia thần của ông, có dự công dẹp Ô Mã Nhi, Toa Đô. Bọn Phạm Ngũ Lão, Trần Thì Kiến, Trương Hán Siêu, Phạm Lãm, Trịnh Dũ, Ngô Sĩ Thường, Nguyễn Thế Trực vốn là môn khách của ông, đều nổi tiếng thời đó về văn chương và chính sự, bởi vì ông có tài mưu lược, anh hùng, lại một lòng giữ gìn trung nghĩa vậy. Xem như khi Thánh Tông vờ bảo Quốc Tuấn rằng: “Thế giặc như vậy, ta phải hàng thôi”. Quốc Tuấn trả lời: “[Bệ hạ] chém đầu tôi trước rồi hãy hàng”. Vì thế, đời Trùng Hưng, lập nên công nghiệp hiếm có. Tiếng vang đến giặc Bắc, chủng thường gọi ông là An Nam Hưng Đạo Vương mà không dám gọi tên. Sau khi mất rồi, các châu huyện ở Lạng Giang hễ có tai nạn bệnh dịch, nhiều người cầu đảo ông. Đến nay, mỗi khi đất nước có giặc vào cướp, đến lễ ở đền ông, hễ tráp đựng kiếm có tiếng kêu thì thế nào cũng thẳng lớn.*

(Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên… soạn thảo, Đại Việt sử kí toàn thư, Viện Khoa Học Xã Hội Việt Nam dịch, NXB Khoa Học Xã Hội)

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt của đoạn trích.

Câu 2: Câu văn Đến khi lớn lên, dung mạo khôi ngô, thông minh hơn người, đọc rộng các sách, có tài văn võ có đặc điểm gì đặc biệt về cấu trúc ngữ pháp? Điều này thể hiện đặc điểm gì của phương thức biểu đạt của văn bản mà anh (chị) vừa chỉ ra ở câu trên?

Câu 3: Trần Quốc Tuấn được miêu tả trên mấy phương diện? Đó lá những phương diện nào? Đoạn trích có sử dụng chi tiết kì ảo nào?

Câu 4: Trong khoảng 5-7 dòng, trình bày suy nghĩ của anh (chị) về một bậc anh hùng trong lịch sử mà anh (chị) biết.

\* **GỢI Ý TRẢ LỜI**

Câu 1: Phương thức biểu đạt của đoạn trích trên là phương thức thuyết minh (về một nhân vật lịch sử), cụ thể ở đây là thuyết minh về Trần Qúốc Tuấn.

Câu 2: Câu văn là câu rút gọn (rút gọn thành phần chủ ngữ).

Thể hiện đặc điểm của văn bản thuyết minh: ngắn gọn, chủ yếu hướng đến việc cung cấp thông tin cho người đọc.

Câu 3: Trần Quốc Tuấn được miêu tả trên hai ý chính:

+ Ý 1: Trần Quốc Tuấn thời còn nhỏ với lời tiên đoán của thầy tướng và những nét khái quát nhất về tuổi thơ của ông.

+ Ý 2: Khi Trần Quốc Tuấn trưởng thành, ông được miêu tả là một con người quyết đoán, có tấm lòng yêu nước sâu sắc, đánh giặc lập công hiếm có, tiếng vang khắp nơi.

Trong đoạn trích có sử dụng yếu tố huyền bí, kì ảo là: Đến nay, mỗi khi đất nước có giặc vào cướp, đến lễ ở đền ông, hễ tráp đựng kiếm có tiếng kêu thì thế nào cũng thắng.

lớn vừa thể hiện đặc điểm của văn học cổ với niềm tin của nhân dân vào thần thánh, vừa để nâng cao vị thế của Trần Quốc Tuấn hiện lên mức thánh thần của dân tộc, nâng cao vẻ đẹp của nhân vật lịch sử.

Câu 4: Học sinh trình bày theo suy nghĩ của mình, có thể tham khảo những ý sau đây:

- Bậc anh hùng đó là ai? Diện mạo, tính’cách của nhân vật đó như thế nào?

- Học sinh có thể kể những câu chuyện mình biết về nhân vật anh hùng đó.

Học sinh có thể trình bày theo cách khác, miễn sao đảm bảo các ý cơ bản ở trên, diễn đạt hợp lí.

**Đề 4: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

*Tháng 6 , ngày 24, sao sa. Hưng Đạo Vương ốm. Vua ngự tới nhà thăm, hỏi rằng:“Nếu có điều chẳng may, mà giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì kế sách như thế nào?” Hưng Đạo Vương trả lời:*

*-“Ngày xưa Triệu Vũ dựng nước, vua Hán cho quân đánh, nhân dân làm kế thanh dã, đại quân ra Khâm Châu, Liêm Châu đánh vào Trường Sa, còn đoản binh thì đánh úp phía sau. Đó là một thời. Đời Đinh, Lê dùng người tài giỏi, đất phương Nam mới mạnh mà phương Bắc thì mệt mỏi suy yếu, trên dưới một dạ, lòng dân không lìa, xây thành Bình Lỗ mà phá được quân Tống. Đó lại là một thời. Vua Lý mở nền, nhà Tống xâm phạm địa giới, dùng Lý Thường Kiệt đánh Khâm, Liêm, đến tận Mai Lĩnh là vì có thế. Vừa rồi Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây. Vì vua tôi đồng tâm, anh em hòa mục, cả nước góp sức, giặc phải bị bắt. Đó là trời xui nên vậy. Đại khái, nó cậy trường trận, ta dựa vào đoản binh. Dùng đoản binh chế trường trận là sự thường của binh pháp. Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì thế dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như các tằm ăn, không cầu thắng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được. Vả lại, khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy.”*

(Trích Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, Trang 42, SGK Ngữ văn 10,Tập II, NXBGD 2006)

a. Xác định biện pháp tu từ( về từ) trong đoạn: Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì thế dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như các tằm ăn, không cầu thắng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được. Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó?

\* **GỢI Ý TRẢ LỜI**

- Biện pháp tu từ( về từ): so sánh: *- quân nó kéo đến như lửa, như gió - nó tiến chậm như các tằm ăn - xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy - có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được*.

- Hiệu quả nghệ thuật: hàng loạt so sánh làm cho cách diễn đạt gợi hình ảnh cụ thể, qua đó thấy được tài năng trong cách dùng binh cũng như thấy được tầm nhìn sâu rộng của nhà quân sự Hưng Đạo Vương khi ông đề cao sức mạnh của tinh thần đoàn kết toàn dân sẽ chống giặc thành công.

b. Trong văn bản có nói đến binh pháp. Binh pháp là gì?

Binh pháp của Hưng Đạo Vương có điểm gì đáng chú ý?

\* **GỢI Ý TRẢ LỜI**

Binh pháp là hệ thống tri thức về những vấn đề lí luận quân sự nói chung và phương pháp tác chiến nói riêng. Binh pháp của Hưng Đạo Vương có điểm đáng chú ý là chống giặc phải tùy thời mà tạo thế, phải vận dụng linh hoạt, không có một khuôn mẫu nào nhất định.

Câu 2: Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về bài học khoan thư sức dân của Hưng Đạo Vương trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay.

\* **GỢI Ý TRẢ LỜI**

-Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành.

-Nội dung:

+ Tư tưởng khoan thư sức dân của Hưng Đạo Vương là biết thương yêu dân, trọng dân và chăm lo cho dân hết mực.

+ Những biểu hiện cụ thể khoan thư sức dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay: trong lãnh đạo, Đảng ta luôn phát huy truyền thống lấy dân làm gốc của cha ông. Đó là chăm lo đời sống vật chất và văn hoá tinh thần cho nhân dân, nhất là những đồng bào nơi đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc, miền núi, hải đảo xa xôi.

+ Phê phán tệ nạn tham ô, tham nhũng, lãng phí, những kẻ sống trên mồ hôi nước mắt của nhân dân.

+ Bài học nhận thức và hành động: thể hiện lòng biết ơn nhân dân, đóng góp sức mình trong xây dựng và bảo vệ cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

**Đề 5: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

(…) Một hôm Quốc Tuấn vờ hỏi con ông là Hưng Vũ Vương: “Người xưa có cả thiên hạ để truyền cho con cháu, con nghĩ thế nào?” Hưng Vũ Vương thưa: “Dẫu khác họ cũng không nên, huống chi là cùng một họ!” Quốc Tuấn ngẫm cho là phải.

Lại một hôm Trần Quốc Tuấn đem chuyện ấy hỏi người con thứ là Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng. Quốc Tảng tiến lên thưa: “Tống Thái Tổ vốn là một ông lão làm ruộng, đã thừa cơ dấy vận nên có được thiên hạ.”

Quốc Tuấn rút gươm kể tội:

- “Tên loạn thần là từ đứa con bất hiếu mà ra”.

Định giết Quốc Tảng, Hưng Vũ Vương hay tin, vội chạy tới khóc lóc xin chịu tội thay, Quốc Tuấn mới tha. Đến đây, ông dặn Hưng Vũ Vương: “Sau khi ta chết, đậy nắp quan tài đã rồi mới cho Quốc Tảng vào viếng.”(…)

(Trích Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, Trang 43, SGK Ngữ văn 10,Tập II, NXBGD 2006)

a. Xác định phương thức biểu đạt của văn bản?

\* **GỢI Ý TRẢ LỜI**

a. Phương thức biểu đạt của văn bản: tự sự

b. Xác định biện pháp nghệ thuật nổi bật trong thái độ của Hưng Đạo Vương với 2 người con trai?

Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp đó ?

\* **GỢI Ý TRẢ LỜI**

Biện pháp nghệ thuật nổi bật trong thái độ của Hưng Đạo Vương với 2 người con trai: biện pháp đối lập.

Hiệu quả nghệ thuật: Qua biện pháp đối lập, câu chuyện thử thách với hai người con trai Quốc Hiến và Quốc Tảng với hai câu trả lời trái ngược nhau và hai thái độ khác nhau: ngầm cho là phải (với Quốc Hiến) và định giết, kể tội, đến chết không cho gặp mặt…( với Quốc Tảng) đã càng làm rõ tính cách thận trọng, trung nghĩa và lối giáo dục con cái trong nhà một cách rất công bằng và nghiêm khắc của Hưng Đạo Vương.

Câu 4: Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về bài học giáo dục con cái trong cuộc sống hôm nay.

\* **GỢI Ý TRẢ LỜI**

-Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành.

-Nội dung:

+ Cách giáo dục con cái của Hưng Đạo Vương vừa công bằng, vừa nghiêm khắc. Hưng Vũ Vương có cách trả lời ứng xử thấu tình đạt lí. Quốc Tảng trả lời có ý bất trung đã làm cho Hưng Đạo Vương nổi giận rút gươm định trị tội đứa con nghịch tử.

+ Ngày nay, những bậc làm cha mẹ cần học cách giáo dục con cái một cách đúng đắn. Được giáo dục tốt, con người sẽ sống lương thiện, tích cực, có trách nhiệm với xã hội, gia đình, bản thân. Không nhận được sự giáo dục tốt, con người sẽ trở nên ích kỷ, xấu xa, độc ác.

+Trong xã hội hiện nay có nhiều cha mẹ nuông chiều con cái, chăm lo về tri thức, vật chất nhưng thiếu quan tâm, uốn nắn đến tính cách cho con dẫn đến nhiều bạn trẻ sống ích kỷ, có suy nghĩ lệch lạc, sai lầm.

Câu 5: Trong khoảng 5-7 dòng, trình bày suy nghĩ của anh (chị) về một bậc anh hùng trong lịch sử mà anh (chị) biết.

\* **GỢI Ý TRẢ LỜI**

- Bậc anh hùng đó là ai?

- Diện mạo, tính cách của nhân vật đó như thế nào?

- Học sinh có thể kể những câu chuyện mình biết về nhân vật anh hùng đó.

Học sinh có thể trình bày theo cách khác, miễn sao đảm bảo các ý cơ bản ở trên, diễn đạt hợp lí .

**Bài mẫu tham khảo:**

*Trần Quốc Tuấn (1231 – 1300) – người đã được vua Trần giao cho thống lĩnh quân đội, đã lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên thắng lợi vẻ vang. Người nổi tiếng là biết trọng kẻ sĩ thu phục nhân tài. Trần Quốc Tuấn là một người anh hùng dân tộc, nhà quân sự thiên tài, lòng yêu nước của ông nước thể hiện rõ qua văn bản "Hịch tướng sĩ", văn bản khích lệ tướng sĩ học tập cuốn "Binh thư yếu lược" do ông biên soạn. Trước sự lâm nguy của đất nước, lòng yêu nước thiết tha của vị chủ soái Trần Quốc Tuấn được thể hiện ở lòng căm thù sục sôi quân cướp nước. Ta hãy nghe ông kể tội ác của giặc: "Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thoả lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, vét của kho có hạn, thật khác nào đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai hoạ về sau!". Tác giả gọi giặc là "cú diều, dê chó, hổ đói" không chỉ vạch trần sự tham lam, độc ác mà còn vạch rõ dã tâm xâm lược của giặc; thể hiện sự khinh bỉ, căm ghét tột độ. Không chỉ kể tội ác của giặc mà Trần Quốc Tuấn còn bày tỏ nỗi đau xót trước nỗi nhục của quốc thể, nỗi đau đớn xót xa. Đó là biểu hiện của sự sẵn sàng xả thân để rửa nhục cho nước, để bảo vệ nền độc lập của dân tộc, khát vọng nước xả thân cho nước: "Chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan, uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa ta cũng vui lòng".*

**ÔN TẬP VĂN BẢN 2: QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH**

**( TRÍCH “ HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ” – NGÔ GIA VĂN PHÁI)**

**HOẠT ĐỘNG 1: NHẬN DIỆN ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI TRUYỆN LỊCH SỬ QUA VĂN BẢN: QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Mục tiêu: hs ghi nhớ nội dung cốt truyện, nhận diện đặc điểm thể loại truyện lịch sử qua văn bản.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát vấn câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.  ***Câu hỏi phát vấn****:*   1. *Em hãy kể tóm tắt văn bản Quang Trung đại phá quân Thanh.* 2. *Câu chuyện diễn ra vào bối cảnh lịch sử nào?* 3. *Em hãy kể tên các nhân vật lịch sử có trong đoạn trích.* 4. *Hãy đọc lại đoạn vua Quang Trung ra doanh phủ dụ binh lính. Qua đoạn trích này, em có nhận xét gì về ngôn ngữ của nhân vật vua Quang Trung khi phủ dụ binh sĩ.* 5. *Ấn tượng của em về nhân vật vua Quang Trung qua đoạn trích?*   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi phát vấn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu.  - GV yêu cầu lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | I**. Tri thức văn bản cần ghi nhớ:**  1. ***Tóm tắt văn bản:***  Ngày 21 tháng 12 năm 1786, tại Phú Xuân, Nguyễn Huệ nhận được tin báo khẩn cấp của Ngô Văn Sở về việc quân Tây Sơn bỏ Thăng Long rút lui về Tam Điệp. Ngày hôm sau, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, lập tức thống lĩnh đại quân Tây Sơn tiến ra Bắc. Ngày ba mươi tháng Chạp, đến núi Tam Điệp, vua mở tiệc khao quân, hẹn mùng bảy năm mới vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng. Bằng tài chỉ huy thao lược của Quang Trung, đạo quân của Tây Sơn tiến lên như vũ bão, nửa đêm mùng 3 Tết, đánh chiếm thành công đồn Hà Hồi, sau đó tiến vào Ngọc Hồi, quân giặc thua chạy tán loạn. Trưa mồng 5, Quang Trung tiến quân giải phóng Thăng Long. Quân giặc thảm bại, Tôn Sĩ Nghị khiếp vía trốn về nước. Lê Chiêu Thống sợ hãi đưa thái hậu cũng tùy tùng bỏ trốn cướp cả thuyền của dân, đuổi theo Tôn Sĩ Nghị.  2. ***Bối cảnh lịch sử nước ta cuối thế kỉ 18 đầu thế kỉ 19.***Câu chuyện tái hiện lại sự kiện có thật trong lịch sử, mùa xuân năm Kỉ Dậu (1789) vua Quang Trung đã chỉ huy nghĩa quân Tây Sơn đánh tan 20 vạn quân Thanh một cách thần tốc. Bè lũ vua tôi Lê Chiêu Thống bán nước cầu vinh cũng phải bỏ chạy theo giặc hết sức thảm hại.  3. ***Tên các nhân vật lịch sử*** có trong đoạn trích: Quang Trung, Nguyễn Thiếp, Lê Chiêu Thống, Tôn Sĩ Nghị…  4. ***Nhận xét về ngôn ngữ nhân vật vua Quang Trung khi phủ dụ binh sĩ***: mang đậm màu sắc lịch sử, thể hiện được địa vị, sự oai phong, bản lĩnh, tính cách mạnh mẽ, thái độ quyết đoán, rõ ràng, giàu tự tôn dân tộc, tỏ rõ ý chí quyết tâm đánh đuổi kẻ thù xâm lược và tầm nhìn xa trông rộng của một vị tướng có tài năng quân sự….  5. ***Nhận xét về nhân vật vua Quang Trung***:  - Quyết đoán, mạnh mẽ, anh minh, có tầm nhìn xa trông rộng, có tài dùng người.  - Trí tuệ sáng suốt, nhạy bén, có tài thao lược…. |

**HOẠT ĐỘNG 2. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu tri thức ngữ văn về truyện lịch sử (cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ; chủ đề, tư tưởng, thông điệp); cách đọc hiểu văn bản truyện lịch sử.

Ngữ liệu sử dụng các văn bản truyện lịch sử trong (bộ KNTT) và ngoài SGK.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **BÀI TẬP 1:**  **Mục tiêu:** tạo tình huống để hs trình bày cảm nhận cá nhân về nhân vật trong tác phẩm và giá trị nghệ thuật trong xây dựng hình tượng nhân vật theo tuyến đối lập, nhận thức được thông điệp của tác phẩm.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát vấn câu hỏi:  *1.* *Trong tất cả các nhân vật, em ấn tượng nhất với nhân vật nào? Tại sao?*  *2. Chia sẻ những hiểu biết của em về người anh hùng Quang Trung – Nguyễn Huệ?* 3. Sự đối lập giữa hai nhân vật Quang Trung và Lê Chiêu Thống, giữa quân Tây Sơn và quân Thanh có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện chủ đề của đoạn trích? *4.Theo em, qua đoạn trích, tác giả muốn gửi gắm đến người đọc thông điệp gì? Thông điệp ấy có giá trị với cuộc sống hôm nay như thế nào?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi phát vấn, ghi đáp án ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời phát biểu, yêu cầu lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **BÀI TẬP 1**   1. HS có thể trình bày cảm nhận cá nhân của mình dựa trên sự hiểu biết về các nhân vật được phản ánh trong đoạn trích. Có thể là nhân vật chính diện hoặc nhân vật phản diện.   Ví dụ:  \* *Trong tất cả các nhân vật, em ấn tượng nhất với nhân vật chính diện vua Quang Trung – một vị tướng tài ba, mạnh mẽ, oai phong, giàu tinh thần tự tôn dân tộc, có tài dùng binh, thao lược thần tốc trên chiến trường – một vị vua anh minh sáng suốt, có tầm nhìn xa trông rộng.*  *\* Hoặc: Trong tất cả các nhân vật, em ấn tượng nhất với nhân vật phản diện vua Lê Chiêu Thống.*  *- Vua Lê Chiêu Thống là một ông vua bù nhìn, đặt lợi ích cá nhân lên trước lợi ích của đất nước, là kẻ bán nước cầu vinh, vì quyền lợi của bản thân sẵn sàng quỳ gối nhận lễ sắc phong bề tôi của vua Thanh, mở đường cho quân giặc vào thành xâm lược nước ta.*  *- Hèn nhát, run sợ bỏ chạy theo Tôn Sĩ Nghị về phương Bắc khi quân Tây Sơn tấn công vào thành Thăng Long và quân Thanh thảm bại.*  *2 Chia sẻ những hiểu biết của em về người anh hùng Quang Trung – Nguyễn Huệ.* ***Trả lời*** *Nguyễn Huệ (1755 - 1792), còn gọi là vua Quang Trung, là người anh hùng áo vải đã đánh đổ cả hai chính quyền phản động ở Đàng Trong và Đàng Ngoài, người đã lập nên những chiến công hiển hách chống quân xâm lược Xiêm và Mãn Thanh, thực hiện được khát vọng thống nhất đất nước của dân tộc vào cuối thế kỉ thứ 18.*  3/ *Sự đối lập giữa hai nhân vật Quang Trung và Lê Chiêu Thống, giữa quân Tây Sơn và quân Thanh có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện chủ đề của đoạn trích*  ***Trả lời*:** *Sự đối lập giữa vua Lê Chiêu Thống và vua Quang Trung, giữa quân nhà Thanh và quân Tây Sơn có tác dụng ca ngợi sự dũng mãnh, đồng lòng chiến đấu, sẵn sàng xả thân vì đất nước, tôn vinh những chiến công hiển hách của quân Tây Sơn => Qua đó làm nổi bật hình tượng vị anh hùng áo vải với trí tuệ sáng suốt, mạnh mẽ và quyết đoán trong lịch sử nước nhà. Đồng thời phê phán, tố cáo kẻ thù xâm lược và bè lũ vua tôi Lê Chiêu Thống bán nước hại dân.*  4/.Theo em, qua đoạn trích, tác giả muốn *gửi* *gắm đến người đọc thông điệp về lòng yêu nước và tôn trong lịch sử dân tộc.*   * *Thông điệp ấy đến nay vẫn giữ nguyên giá trị. Từ xưa đến nay, dân ta luôn có một lòng yêu nước nồng nàn và cách thể hiện lòng yêu nước trong mỗi thời kì có khác nhau để phù hợp với điều kiện lịch sử.* * *Tôn trọng lịch sử dân tộc cũng là một biểu hiện của lòng yêu nước, thể hiện sự kính trọng với những gì mà thế hệ trước đã làm được, đồng thời cũng là bài học để thế hệ sau học hỏi, tránh phải những sai lầm không cần thiết.* |

**HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU NGOÀI SGK**

**Đề 1: Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi.**

(1)Thái Tổ nhà Lê tên là Lợi, người làng Lam Sơn, xứ Thanh Hóa, có chí khí từ thuở nhỏ. Tục truyền ông tổ tam đại nhà ngài nguyên là người làng như áng, một bữa đi qua lam sơn thấy có đàn quạ xúm xít bay, liệng trên một cái gò. Ông cụ ấy nói rằng chỗ này là chỗ đất hay đây mới đem nhà làm ở dưới cái gò, từ bấy giờ con cái làm hào trưởng ở xứ ấy. Được ba đời thì sinh ra ngài.

(2)Cuối đời nhà Trần, Hồ Quý Ly cướp ngôi, nhà Minh sai bọn Trương Phụ, Mộc Thạnh sang đánh bắt được cả hai bố con Hồ Quý Ly đem về Tàu rồi chiếm giữ lấy nước Nam, làm ra lắm sự tàn ác: Nào là bắt dân khai mỏ vàng, săn voi trắng; nào là bắt dân mò hạt trân châu. Lại cấm dân không cho nấu muối riêng. Bắt phải nộp cống hươu trắng, rùa rùa chín đuôi, vượn bạch, trăn to. Lại lắm chính sự tàn ác, thuế má nặng nề, hơn 20 năm, dân sự lấy làm khổ ải, bởi thế trộm giặc chỗ nào cũng nổi lên như ong, dân gian lại càng khốn đốn lắm. Thái Tổ trông thấy tình hình làm vậy, có chí muốn ra dẹp loạn để yên dân.

(Phan Kế Bính, Lê Thái Tổ, in trong Nam Hải dị nhân, NXB Trẻ)

***Câu 1: Sửa những lỗi chính tả có trong đoạn (1).***

***Câu 2: Xét về cấu tạo ngữ pháp, các câu:***

Lại cấm dân không cho nấu muối riêng. Bắt phải nộp cống hươu trắng, rùa rùa chín đuôi, vượn bạch, trăn to. Lại lắm chính sự tàn ác thuế má nặng nề, hơn 20 năm, dân sự lấy làm khổ ải, bởi thế trộm giặc chỗ nào cũng nổi lên như ong, dân gian lại càng khốn đốn lắm***có gì đặc biệt? Em hãy phân tích tác dụng của việc sử dụng những câu có cấu tạo ngữ pháp như vậy.***

***Câu 3: Đoạn (2) sử dụng những phép liên kết nào?***

**GỢI Ý LÀM BÀI**

**Câu 1**: Đoạn trích sai những lỗi về dấu câu và viết hoa.

a, Đoạn sai: Tục truyền ông tổ tam đại nhà ngài nguyên là người làng như áng, một bữa đi qua lam sơn thấy có đàn quạ xúm xít bay, liệng trên một cái gò. Ông cụ ấy nói rằng chỗ này là chỗ đất hay đây mới đem nhà làm ở dưới cái gò, từ bấy giờ con cải làm hào trưởng ở xứ ấy.

* + Sửa lại:

Tục truyền ông tổ tam đại nhà ngài nguyên là người làng Như Áng, một bữa đi qua Lam Sơn thấy có đàn quạ xúm xít bay, liệng trên một cái gò. Ông cụ ấy nói rằng: “Chỗ này là chỗ đất hay đây!” mới đem nhà làm ở dưới cái gò, từ bấy giờ con cái làm hào trưởng ở xứ ấy.

Đã sửa những chỗ in hoa, đổi câu nói của ông cụ thành lời dẫn trực tiếp (được trích trực tiếp trong câu văn) và thêm dấu câu.

Yêu cầu: học sinh chỉ cần chép đúng được đoạn văn, chỉ ra đã sửa chỗ nào, không cần chép lại nội dung đoạn sai.

**Câu 2**: Các câu được trích dẫn xét theo cấu tạo ngữ pháp được xếp vào câu rút gọn (rút gọn thành phần chủ ngữ).

Tác dụng:

Thể hiện được đặc điểm của văn bản thuyết minh, chỉ chú trọng cung cấp được nhiều thông tin nên có những câu ngắn gọn như vậy.

Sử dụng những câu rút gọn có cùng cấu trúc là cách tác giả liệt kê những chính sách bóc lột của chính quyền làm cho nhân dân khốn đốn.

**Câu 3**: Các phương thức liên kết sử dụng trong đoạn trích (2) là:

Phép liên tưởng: nhà văn sử dụng trường từ vựng về bóc lột: chiếm giữ, tàn ác, khai mỏ vàng, cấm, nộp cống, chính sự tàn ác, thuế má nặng nề, khốn đốn…

Phép điệp: Lại, nào là,…

Tác dụng: Liên kết nội dung của đoạn văn hướng về chủ đề chính là phê phán chính sách bóc lột vô lí khiến nhân dân khốn đốn. Đặc biệt là việc liệt kê đã khiến cho tội ác được nhấn mạnh rõ ràng.

**Đề 2: Đọc văn bản sau và thực hiện theo các yêu cầu:**

*[…]**Trong một buổi sáng đã có hai người nói với Trần Bình Trọng nhiều điều có ích. Họ chỉ là người lính, người dân bình thường, nhưng đều đã trải qua nhiều trận chiến đấu gay go. Họ đã làm cho Trần Bình Trọng vui lòng và tin rằng họ sẽ làm tròn những công việc ông giao cho. Kể từ khi đất nước có giặc xâm lược, Trần Bình Trọng đã mắt thấy tai nghe nhiều sự việc chứng tỏ tài năng và lòng yêu nước của những người không phải dòng dõi quý tộc. Ông đã được thấy những người lính bình thường lăm lăm ngọn giáo ngắn trong tay, xông thẳng tới trước những tên tướng Nguyên và dùng ngọn giáo ngắn ấy đánh ngã tướng giặc cưỡi trên lưng những con ngựa cao lớn. Ông đã từng giao nhiều việc quân cho những người lính của mình.*

*[…]*

*Ông già làng Xuân Đình chẳng những giảng giải cho Trần Bình Trọng nghe rất kỹ về thế đất vùng Thiên Mạc, mà ông ta còn nhận xét rất đúng phép dùng binh: với thế đất như thế, cách bày trận sẽ phải ra sao. Ông ta nói:*

*- Dải cát sa bồi này chạy dài tít tắp, không rõ đâu là bến bờ. Mặt trước bãi cát là con sông Thiên Mạc rộng mênh mông. Mặt sau lưng nó là bãi lầy Màn Trò ăn mãi vào sâu hàng trăm dặm. Chỗ chúng ta đứng đây là địa thế làng Xuân Đình. Xuân Đình ở đầu bãi lầy Màn Trò, nhưng cũng ở đầu dải cát sa bồi. Từ trước đến nay, ai cũng cho rằng trong bãi lầy không có người ở. Giặc Nguyên hơn ta về quân cưỡi ngựa, ta giỏi hơn chúng về tài đánh trên sông. Nếu như trận đánh xảy ra ở đây, giặc sẽ tránh giao chiến trên sông Thiên Mạc với ta. Chúng sẽ rút lên dải cát sa bồi này, lập thế trận dựa lưng vào bãi Màn Trò để quyết chiến với ta trên vùng đất khô ráo quen với vó ngựa của chúng.*

*Trần Bình Trọng suy nghĩ về lời nói của ông già:*

*- Có phải ông lão cho rằng tướng giặc sẽ lấy dải cát sa bồi này làm đất quyết chiến không?*

*- Chính vậy đấy! Nhưng ta có cách buộc chúng không thể quyết chiến ở đây mà phải chịu những đòn ta đánh ở chỗ khác và ở những hướng khác với ý muốn của chúng.*

*- Ông lão nói nốt đi!- Trần Bình Trọng giục, rõ ràng câu chuyện đã khiến ông thật sự quan tâm.*

*- Đây nhé! Tướng quân xem, chúng muốn đổ quân lên bộ cũng phải dùng những bến thuyền này. Bởi vì ở đây bờ sông thấp, lại có những vụng nhỏ tránh được sóng gió. Nhưng chúng không bao giờ nghĩ rằng chúng có thể bị đánh từ cửa Hàm Tử trở xuống, vì rằng bên kia cửa Hàm Tử là bến Chương Dương thẳng đường về Thăng Long, giặc sẽ dễ dàng ra cứu.*

*Trần Bình Trọng khen thầm. Ông khẽ gật đầu và giơ tay chỉ về phía Màn Trò hỏi tiếp:*

*- Ông lão định phục binh trong đó để đánh vỗ vào lưng quân giặc phải không?*

*- Ấy là nếu lão cầm quân, chứ lão đã trên bảy mươi tuổi đầu rồi và cũng chẳng ai bái lão làm tướng. Nhưng nếu lão cầm quân, lão sẽ bày trận như vậy đó!*

*Gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên. Ông nói to với ông già Xuân Đình:*

*- Ông lão nói rất đúng. Ta cũng sẽ phục quân trong Màn Trò. Như thế, nếu giặc phải giao chiến trên sông Thiên Mạc hay trên bãi sa bồi này chúng đều phải đánh trên thế đất chết của chúng. Binh pháp cũng nói như vậy đấy!*

(Trích ***Bên bờ Thiên Mạc*** *– Chương 3*, Hà Ân, NXB Kim Đồng)

**TRẢ LỜI CÂU HỎI BẰNG CÁCH CHỌN MỘT PHƯƠNG ÁN ĐÚNG NHẤT.**

**Câu 1:** Tác giả của bài Bên bờ Thiên Mạc là ai?

A. Hà Ân

B. Đỗ Phủ

C. Hàn Mặc Tử

D.  Trương Kế

**Câu 2:** Bối cảnh được đặt ra trong đoạn trích là khi nào?

A. Cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần thứ nhất.

B. Cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần thứ hai.

C. Cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần thứ ba.

D. Tất cả những ý trên đều đúng.

**Câu 3:** Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì?

A. Tự sự

B. Biểu Cảm

C. Miêu tả

D. Nghị luận

**Câu 4.** Trong văn bản trên, người kể chuyện là ai?

A. Người kể xưng “tôi” và là nhân vật trong truyện.

B. Người kể xưng “chúng tôi” và là nhân vật trong truyện.

C. Người kể không tham gia vào câu chuyện.

D. Người kể mang tên một nhân vật trong câu chuyện.

**Câu 5.**Nhân vật trong văn bản trên chủ yếu khắc họa ở phương diện nào?

A. Hình dáng

B. Tâm trạng

C. Hành động

D. Lời nói

**Câu 6.**Tác dụng của phép so sánh trong câu: *“Giặc Nguyên hơn ta về quân cưỡi ngựa, ta giỏi hơn chúng về tài đánh trên sông”* là:

A. Khẳng định lợi thế của quân ta là đánh trên sông, để tìm ra kế sách đánh bại giặc.

B. Ca ngợi sức mạnh và ý chí quyết tâm của quân ta.

C. Khẳng định sức mạnh ghê gớm của quân giặc.

D. Thể hiện khao khát đánh thắng giặc.

**Câu 7*.***Vì sao Trần Bình Trọng quyết định cho quân mai phục ở bãi Màn Trò?

A. Vì dải cát sa bồi này chạy dài tít tắp, không rõ đâu là bến bờ.

B. Vì mặt trước bãi cát là con sông Thiên Mạc rộng mênh mông.

C. Vì nơi đây gần làng Xuân Đình.

D. Vì đây là đất chết của quân giặc.

**Câu 8.** Đâu là nhận xét không đúng về nhân vật ông già Xuân Đình trong đoạn trích?

A. Có trí tuệ, giàu kinh nghiệm đánh giặc.

B. Hiểu biết về địa lí của vùng đất Thiên Mạc.

C. Có lòng yêu nước, muốn đóng góp sức lực vào cuộc kháng chiến của dân tộc.

D. Muốn cho Trần Bình Trọng biết mình là người hiểu biết về lũ giặc như thế nào.

**Câu 9.** Tác giả bộc lộ thái độ, tình cảm như thế nào đối với câu chuyện và nhân vật được kể?

A. Lo lắng, sợ hãi.

B. Bình tĩnh, vui vẻ.

C. Khâm phục, tự hào, biết ơn.

D. Say sưa, ngất ngây.

**TRẢ LỜI CÂU HỎI**

**Câu 1:** Chi tiết “*Gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên.”* giúp em hiểu gì về nhân vật Trần Bình Trọng?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

- Tâm trạng vui mừng phấn khởi của Trần Bình Trọng khi ông nhận ra những kinh nghiệm đánh giặc quý báu từ ông lão Xuân Đình (một người dân thường).

- Trần Bình Trọng đưa ra quyết định dứt khoát về việc chọn bãi Màn Trò để đánh giặc. Đánh vào điểm yếu của lũ giặc là binh pháp hay.

→ Trần Bình Trọng là vị tướng tài ba, có niềm tin vào nhân dân, có lòng yêu nước, quyết tâm chiến đấu và chiến thắng giặc Nguyên.

# **Câu 2***.* Từ văn bản trên, bằng đoạn văn ngắn (7 đến 9 câu) em hãy nêu cảm nhận về một chi tiết trong văn bản Quang Trung đại phá quân Thanh để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

Chi tiết:

+ “ Quang Trung thần tốc ra Bắc đánh tan quân Thanh”.

+ Màn đấu kiếm giữa Quang Trung và một tướng quân Thanh trong trận Chi Lăng.

+….

* Quang Trung đã thể hiện khả năng lãnh đạo xuất sắc khi đưa quân đến Bắc nhanh chóng và không chờ đợi quá lâu.
* Ông là một người lãnh đạo có tầm nhìn xa và quyết định nhanh nhạy.
* Tạo ra một sự đột phá quan trọng, đánh tan quân Thanh , mở ra con đường cho sự giải phóng và độc lập của dân tộc.
* Sự quyết đoán và sự can đảm của Quang Trung được thể hiện rõ qua chi tiết này.

→ Ông không chỉ là một người lãnh đạo xuất sắc, mà còn là một người anh hùng và biểu tượng của sự đấu tranh vì tự do và chủ quyền.

* Em khâm phục và ngưỡng mộ về những nỗ lực phi thường của Quang Trung và tình yêu nước vô bờ bến mà ông đã truyền cảm hứng cho thế hệ sau.

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Trong văn bản "Quang Trung đại phá quân Thanh," chi tiết "Quang Trung thần tốc ra Bắc đánh tan quân Thanh" là một điểm nhấn đặc biệt khiến em ấn tượng sâu sắc. Đây là một hành động mạnh mẽ và bất ngờ, tạo nên một cảm giác của sự quyết đoán và sự táo bạo trong cuộc chiến. Quang Trung đã thể hiện khả năng lãnh đạo xuất sắc khi đưa quân đến Bắc nhanh chóng và không chờ đợi quá lâu. Hành động này không chỉ thể hiện sự tương xứng với tình hình chiến đấu, mà còn cho thấy ông là một người lãnh đạo có tầm nhìn xa và quyết định nhanh nhạy. Quang Trung đã không để cho quân Thanh có thời gian thu xếp và lấy lại quyền kiểm soát trong khu vực đó. Thay vào đó, ông đã tận dụng sự ngạc nhiên của đối phương để tạo ra một cuộc tấn công không chút do dự. Việc thần tốc ra Bắc đánh tan quân Thanh không chỉ đòi hỏi sự táo bạo mà còn đòi hỏi sự kiên nhẫn và quyết định dứt khoát. Quang Trung đã chứng tỏ một tinh thần không chịu đánh mất thời gian và không sợ khó khăn. Ông đã tận dụng cơ hội để tạo ra một sự đột phá quan trọng, đánh tan quân Thanh và mở ra con đường cho sự giải phóng và độc lập của dân tộc. Qua chi tiết này, người đọc như cảm nhận được sự quyết đoán và sự can đảm của Quang Trung. Ông không chỉ là một người lãnh đạo xuất sắc, mà còn là một người anh hùng và biểu tượng của sự đấu tranh vì tự do và chủ quyền. Điều này gợi lên trong em sự khâm phục và ngưỡng mộ về những nỗ lực phi thường của Quang Trung và tình yêu nước vô bờ bến mà ông đã truyền cảm hứng cho thế hệ sau.

* **Hướng dẫn học bài ở nhà:**

1. Tìm đọc các tác phẩm truyện lịch sử. Ghi lại nội dung cốt truyện và chỉ ra các yếu tố lịch sử có trong tác phẩm.
2. Chuẩn bị nội dung bài ôn tập tiếp theo.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**CHỦ ĐỀ 1**

**Tiết 6,7: ÔN TẬP PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**BIỆT NGỮ XÃ HỘI VÀ TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực:**

**1. Năng lực chung:**

- Năng lực tư duy, năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**2. Năng lực riêng biệt:**

- Nhận biết được biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương.

- Hiểu và phân biệt được biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương và từ toàn dân.

- Vận dụng được kiến thức vào thực hành giải quyết các dạng bài tập.

**II. Phẩm chất:**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án.

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, giấy nháp,vở ghi.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Kiểm tra khi gv cho hs ôn tập lí thuyết.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**TIẾT 6: ÔN TẬP BIỆT NGỮ XÃ HỘI**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NỀN**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Mục tiêu:** HS nắm vững tri thức về BNXH, nhận diện và hiểu được cách sử dụng biệt ngữ xã hội phù hợp trong các ngữ cảnh.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * **NV1: GV phát phiếu bài tập và yêu cầu HS làm nhanh trong vòng 5 phút.**   **Bài 1: Chọn đáp án đúng nhất để trả lời câu hỏi:**  Câu 1: Biệt ngữ xã hội là gì?  A. Là từ ngữ chỉ được sử dụng ở một địa phương nhất định  B. Là từ ngữ được dùng trong tất cả các tầng lớp nhân dân  C. Là từ ngữ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định  D. Là từ ngữ được dùng trong nhiều tầng lớp xã hội  Câu 2: Những mặt khác biệt trong tiếng nói của mỗi địa phương thể hiện ở phương diện nào?  A. Ngữ âm  B. Ngữ pháp  C. Từ vựng  D. Cả A và C  Câu 3: **Đọc kĩ câu văn sau và trả lời các câu hỏi.**  *Cá nó để ở dằm thượng áo ba đờ suy, khó mõi lắm.*  (Nguyên Hồng)  a, Từ “dằm thượng” ở ví dụ trên có nghĩa là gì?  A. Túi áo trên  B. Vật nhọn, nhỏ được làm bằng thân cây tre.  C. Vật nhọn, nhỏ được làm bằng kim loại để cài áo.  D. Cả A, B, C đều sai  b, Từ “mõi” ở ví dụ trên có nghĩa là gì?  A. Lấy cắp, lấy trộm  B. Mắc bẫy, mắc lừa  C. Mệt mỏi  D. Cả A, B, C đều sai  c, Hai từ ở “dằm thượng”, “mõi” ở ví dụ trên là từ ngữ địa phương hay biệt ngữ xã hội?  A. Từ ngữ địa phương  B. Biệt ngữ xã hội  **Bài 2: Đọc kĩ đoạn văn sau và chỉ ra các biệt ngữ xã hội có trong đoạn văn.**  *[…] Suốt ngày hôm qua, Hoài Văn ruổi ngựa đi tìm* ***vua****, quên không ăn uống. Hôm nay, đợi mãi từ sớm đến trưa, Hoài Văn thấy đói cồn cào, mắt hoa lên, đầu choáng váng, chân tay buồn bã. Hoài Văn không chịu được nữa. Đứng mãi đây cho đến bao giờ? Thôi thì liều một chết vậy.* ***Ta*** *cứ xuống, chỉ nói hai tiếng xin đánh, rồi mặc cho* ***triều đình******luận tội****. Hoài Văn xô mấy người lính Thánh Dực ngã chúi, xăm xăm xuống bến. Một* ***viên tướng*** *hốt hoảng chạy tới, níu áo Hoài Văn lại. Quốc Toản tuốt gươm:*  *- Không buông ra,* ***ta*** *chém!*  *Lính ập đến giữ lấy Hoài Văn. Thực ra, vì nể chàng là một* ***vưong hầu****, nên họ đã để cho chàng đứng đấy từ sáng. Nay thấy Hoài Văn làm quá,* ***viên tướng*** *nói:*  *-* ***Quân pháp vô thân****,* ***hầu*** *không có phận sự ở đây, nên trở ra cho anh em làm việc. Nhược bằng* ***khinh thường phép nước****, anh em tất phải* ***chiếu theo thượng 1ệnh****.*  *Hoài Văn đỏ mặt bừng bừng, quát lớn:*  *- Ta xuống xin* ***bệ kiến quan gia****, không kẻ nào được giữ ta lại. Lôi thôi thì hãy nhìn lưỡi gươm này!*  ***Viên tướng*** *tái mặt, hô* ***quân sĩ*** *vây kín lấy Hoài Văn. Quốc Toản vung gươm múa tít, không ai dám tới gần. Tiếng kêu, tiếng thét náo động cả bến sông.*  (Trích *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* - Nguyễn Huy Tưởng).  **\* NV2: GV phát vấn câu hỏi, yêu cầu HS trả lời**:  Nội dung câu hỏi:  *+ Khi sử dụng biệt ngữ xã hội ta cần lưu ý điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS xem lại kiến thức đã học chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu cá nhân.  - HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I/ Tri thức tiếng Việt cần nhớ**  **1. Biệt ngữ xã hội là gì?**  Biệt ngữ xã hội là các từ ngữ được dùng hạn chế trong phạm vi ở một nhóm người nhất định trong xã hội.  **2.** **Một số lưu ý khi sử dụng biệt ngữ xã hội:**  Biệt ngữ xã hội là những từ ngữ sử dụng trong hoàn cảnh hạn chế, không được phổ biến rộng rãi trong toàn dân nên cần lưu ý sử dụng cho phù hợp, tránh lạm dụng gây khó hiểu cho người đọc, người nghe thông tin.  Biệt ngữ xã hội chỉ nên sử dụng trong các hoàn cảnh dưới đây:  **Thứ nhất:** Trong khẩu ngữ, việc sử dụng biệt ngữ xã hội để giao tiếp với người cùng tầng lớp với mình để tạo sự thân mật, gần gũi.  **Thứ hai:** Trong thơ văn, sáng tác các tác phẩm văn học để làm tăng tính biểu cảm cũng như thể hiện rõ tầng lớp xã hội, làm nổi bật tính cách của nhân vật.  Để tránh lạm dụng biệt ngữ xã hội, cần tìm hiểu các từ ngữ toàn dân có nghĩa tương ứng để sử dụng khi cần thiết. |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, rèn kĩ năng làm bài tập liên quan đến biệt ngữ xã hội.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát **phiếu học tập số 1**.  ***Chỉ ra biệt ngữ ở những câu sau và giải thích nghĩa của các biệt ngữ đó.***  a. Năm lên sáu, cung thiếu nhi thành phố có cuộc tuyển “gà” khắp các trường tiểu học, tôi cũng được chọn gửi đến lớp năng khiếu.  (Ngô An Kha, Tìm mảnh ghép thiếu).  b. Ôn tập cẩn thận đi em. Em cứ “tủ” như vậy, không trúng đề thì nguy đấy.  \* GV phát **phiếu học tập số 2**  Đọc các ví dụ sau đây và trả lời câu hỏi:  a) Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến ***mẹ*** tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến… Mặc dầu non một năm ròng ***mẹ*** tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà.  Tôi cũng cười đáp lại cô tôi:  – Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào ***mợ*** cháu cũng về.   (Nguyên Hồng, Những ngày thơ ấu).  Tại sao trong đoạn văn này, có chỗ tác giả dùng từ mẹ, có chỗ lại dùng từ mợ? Trước Cách mạng tháng Tám 1945, trong tầng lớp xã hội nào ở nước ta, mẹ được gọi bằng mợ, cha được gọi bằng cậu?  b)  – Chán quá, hôm nay mình phải nhận con ***ngỗng*** cho bài tập làm văn.  – ***Trúng tủ***, hắn nghiễm nhiên đạt điểm cao nhất lớp.  Các từ ngữ ngỗng, trúng tủ có nghĩa là gì? Tầng lớp xã hội nào thường dùng các từ ngữ này.  \*GV phát **phiếu học tập số 3:**  ***Chỉ ra biệt ngữ trong các đoạn hội thoại sau và nhận xét về việc sử dụng biệt ngữ của người nói:***  a. – Cậu ấy là bạn con đấy à?  - Đúng rồi, bố. Nó lầy quá bố nhỉ?  b. – Nam, dạo này tớ thấy Hoàng buồn buồn, ít nói. Cậu biết vì sao không?  - Tớ cũng hem biết vì sao cậu ơi.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm bài tập trên phiếu và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Thực hành tiếng Việt**  **\* Hs nhận diện và giải thích được nghĩa của các biệt ngữ xã hội ở bài tập 1.**  **Trả lời:**  \*Các biệt ngữ: - a, “gà”; - “tủ”  \*Giải thích:  - Từ “gà” trong câu trên được hiểu là người có năng khiếu, được ưu ái.  - Từ “tủ” trong câu trên được hiểu là học chọn lọc những kiến thức quan trọng, cần thiết để làm bài kiểm tra, làm bài thi.  **\* Hs cần hiểu được nội dung và phạm vi , mục đích sử dụng các biệt ngữ của tác giả qua ngữ liệu của bài tập 2.**  **Trả lời:**  a) Trong đoạn văn trên, tác giả có chỗ dùng “mẹ”, có chỗ lại dùng “mợ” bởi vì Trong lòng mẹ là hồi ký nên tác giả dùng từ “mẹ” – từ ngữ hiện tại.  Nhưng những dòng đối thoại tác giả dùng từ “mợ” vì đoạn đối thoại đó nằm trong kí ức.  Trước Cách mạng tháng Tám 1945 tầng lớp thượng lưu ở nước ta gọi mẹ là “mợ”, gọi cha là “cậu”.  Điều này cũng thể hiện sự tinh tế, uyển chuyển trong việc dùng từ của nhà văn Nguyên Hồng, bởi những dòng hồi ký với cách dùng từ “mẹ” – từ ngữ toàn dân dễ giúp người đọc hiểu hơn về người mà nhà văn đang muốn nhắc đến, còn khi dùng từ “mợ” – biệt ngữ xã hội trong giao tiếp với người cô trong kí ức cho thấy sự chân thật của câu chuyện mà tác giả kể lại, ngay từ cách nói chuyện với người cùng tầng lớp trong quá khứ.  b) Từ “ngỗng” có nghĩa là điểm hai, việc gọi như vậy xuất phát từ hình dạng con ngỗng giống với điểm 2.  Từ “trúng tủ” có nghĩa là ôn trúng những gì mình đã đoán được, làm trúng bài khi thi cử, kiểm tra.  Đây đều là những từ ngữ học sinh hay sử dụng.    **\*Với bài tập 3, hs cần rút ra được những nhận xét và lưu ý trong việc sử dụng biệt ngữ.**  **Trả lời:**  \* Các biệt ngữ:  a. lầy  b. hem  \* Nhận xét: Các biệt ngữ trên hình thành trên những quy ước riêng của những người trẻ tuổi, thường được sử dụng trong phạm vi hẹp.  Trong câu (a) sử dụng khi giao tiếp với bố - người lớn nên không phù hợp.  Trong câu (b) sử dụng khi giao tiếp với bạn bè – có thể sử dụng biệt ngữ. |

* **Hướng dẫn học bài ở nhà:**

**1. Ghi nhớ kiến thức về biệt ngữ xã hội**

**2. Làm bài tập sau**

Em hãy viết một đoạn văn ngắn từ 4 đến 7 câu chủ đề tự chọn, trong đoạn văn em có sử dụng các biệt ngữ xã hội. Gạch chân dưới các biệt ngữ xã hội mà em dùng.

**TIẾT 7: ÔN TẬP TỪ ĐỊA PHƯƠNG**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NỀN**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Mục tiêu:** HS nắm vững tri thức về TĐP, nhận diện và hiểu được cách sử dụng TĐP phù hợp trong các ngữ cảnh.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * **NV1: GV phát phiếu bài tập trắc nghiệm yêu cầu HS làm nhanh trong 5 phút**   **Câu 1.** Thế nào là từ ngữ địa phương?  A. Là từ ngữ toàn dân đều biết và hiểu.  B. Là từ ngữ chỉ được dùng duy nhất ở một địa phương.  C. Là từ ngữ chỉ được dùng ở một (một số) địa phương nhất định.  D. Là từ ngữ được ít người biết đến.  **Câu 2.** Cho hai đoạn thơ sau:  *Sáng ra bờ suối, tối vào hang*  *Cháo* ***bẹ*** *rau măng vẫn sẵn sàng*  (Hồ Chí Minh, *Tức cảnh Pác Bó*)  *Khi con tu hú gọi bầy*  *Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần*  *Vườn râm dậy tiếng ve ngân*  ***Bắp*** *rây vàng hạt, đầy sân nắng đào.*  (Tố Hữu, *Khi con tu hú*)  Hai từ “bẹ” và “bắp” có thể được thay thế bằng từ ngữ toàn dân nào khác?  A. Ngô  B. Khoai  C. Sắn  D. Lúa mì  **Câu 3.** Những mặt khác biệt trong tiếng nói của mỗi địa phương thể hiện ở phương diện nào?  A. Ngữ âm  B. Ngữ pháp  C. Từ vựng  D. Cả A và C  **Câu 4.** Nhận xét nào không nói lên mục đích của việc sử dụng các từ ngữ địa phương trong tác phẩm văn học?  A. Để tô đậm màu sắc địa phương cho câu chuyện  B. Để tô đậm màu sắc giai tầng xã hội của ngôn ngữ  C. Để tô đậm tính cách nhân vật  D. Để thể hiện sự hiểu biết của tác giả về địa phương đó   |  | | --- | | **Câu 5.** Khi sử dụng từ ngữ địa phương, cần chú ý điều gì?  A. Không nên quá lạm dụng từ ngữ địa phương.  B. Tuỳ hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp mà sử dụng từ ngữ địa phương cho phù hợp.  C. Không phải từ nào đối tượng giao tiếp cũng có thể hiểu được từ ngữ địa phương.  D. Cả A, B, C đều đúng.  **Câu 6.** Nhận xét nào không nói lên mục đích của việc sử dụng các từ ngữ địa phương trong tác phẩm văn học?  A. Để tô đậm màu sắc địa phương cho câu chuyện  B. Để tô đậm màu sắc giai tầng xã hội của ngôn ngữ  C. Để tô đậm tính cách nhân vật  D. Để thể hiện sự hiểu biết của tác giả về địa phương đó  **Câu 7.** Trong bài thơ sau đây, từ *cá tràu* là loại từ ngữ nào?  *Canh cá tràu mẹ thường hay nấu khế*  *Khế trong vườn thêm một tý rau thơm*  *Ừ, thế đó mà một đời xa cách mẹ*  *Ba mươi năm trở lại nhà, nước mắt xuống mâm cơm!*  (Chế Lan Viên)  A. Từ ngữ địa phương  B. Biệt ngữ xã hội  C. Từ ngữ toàn dân  D. Cả A, B, C đều đúng  **Câu 8.** Từ địa phương *tía* của Nam Bộ có nghĩa toàn dân là gì?  A. Lá tía tô  B. Bố  C. Màu đỏ  D. Quả na  **Câu 9.** Các từ in đâm trong đoạn thơ là từ ngữ ở vùng nào là chủ yếu?  *Đồng chí* ***mô*** *nhớ nữa,*  *Kể chuyện Bình – Trị – Thiên*  *Cho* ***bầy tui*** *nghe* ***ví****,*  *Bếp lửa rung rung đôi vai đồng chí*  *- Thưa trong* ***nớ hiện chừ*** *vô cùng gian khổ,*  *Đồng bào ta phải kháng chiến ra ri.*  (Hồng Nguyên)  A. Miền Bắc  B. Miền Trung  C. Miền Nam  D. Đây là từ ngữ toàn dân |   **\* NV2:** **GV phát vấn câu hỏi, yêu cầu HS trả lời cá nhân.**  *+ Em hiểu gì về từ ngữ địa phương?*  *+ Khi sử dụng từ ngữ địa phương ta cần lưu ý điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời các thông tin theo yêu cầu .  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động** - GV mời 1 – 2 HS nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I.Kiến thức cơ bản cần nhớ**  **1. Từ ngữ địa phương là gì?**  Từ ngữ địa phương là những từ ngữ chỉ được dùng hạn chế trong phạm vi một hoặc một vài vùng địa phương nhất định. Khi giao tiếp toàn dân có thể gây khó hiểu đối với người khác.  **2. Những lưu ý khi sử dụng từ ngữ địa phương.**  - Trong thơ văn, có thể dùng từ ngữ địa phương để tô đậ thêm màu sắc địa phương, màu sắc tầng lớp xã hội của ngôn ngữ và tính cách nhân vật.  - Trong khẩu ngữ, chỉ nên dùng từ ngữ địa phương ngay tại địa phương đó hoặc giao tiếp với người cùng địa phương, cùng tầng lớp xã hội để tạo sự thân mật, tự nhiên.  - Muốn tránh lạm dụng từ địa phương cần phải tìm hiểu các từ ngữ toàn dân có nghĩa tương ứng để sử dụng khi cần thiết. |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, rèn kĩ năng làm bài tập liên quan đến từ địa phương.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát phiếu học tập, yêu cầu HS điền các thông tin và phiếu theo yêu cầu.  **PHIẾU BÀI TẬP**  **Bài 1:** Chỉ ra từ ngữ địa phương và tác dụng của việc sử dụng những từ ngữ đó trong các trường hợp sau:  a. Ai đi vô nơi đây  Xin dừng chân xứ Nghệ  (Huy Cận, Ai vô xứ Nghệ)  b. Đến bờ ni anh bảo:  - “Ruộng mình quên cày xáo  Nên lúa chín không đều.  Nhớ lấy để mùa sau  Nhà cố làm cho tốt”.  (Trần Hữu Thung, Thăm lúa)  c. Chừ đây Huế, Huế ơi! Xiềng gông xưa đã gãy  Hãy bay lên! Sông núi của ta rồi!  (Tố Hữu, Huế tháng Tám)  d. – Nói như cậu thì… còn chi là Huế!  (Hoàng Phủ Ngọc Tường, Chuyện cơm hến)  e. Má, tánh lo xa. Chứ gió chướng vào mùa thì lúa cũng vừa chín tới, hi vọng rực lên theo màu lúa.  (Nguyễn Ngọc Tư, Trở gió)  **Bài 2:** Nhận xét việc sử dụng từ ngữ địa phương (in đậm) trong các trường hợp sau:  a. Năm học này, cả lớp đặt chỉ tiêu **giồng** và chăm sóc 20 cây ở nghĩa trang liệt sĩ của xã.  (Trích Biên bản họp lớp)  b. Con xem, mới có hai hôm mà hạt đậu nó đã **nhớn** thế đấy. Nếu con **giồng** nó ra vườn, chăm bón cẩn thận, nó sẽ ra hoa ra quả…  (Vũ Tú Nam, Những truyện hay viết cho thiếu nhi)  c. Lần đầu tiên tôi theo **tía** nuôi tôi và thằng Cò đi **“ăn ong”**đây!  (Đoàn Giỏi, Đất rừng phương Nam)  d. **Tui** xin cam đoan những nội dung trình bày trên đây là đúng sự thật.  (Trích một bản tường trình)  **Bài 3:** Trong những trường hợp giao tiếp sau đây, trường hợp nào cần tránh dùng từ ngữ địa phương?  a. Phát biểu ý kiến tại một đại hội của trường  b. Trò chuyện với những người thân trong gia đình  c. Viết biên bản cuộc họp đầu năm của lớp  d. Nhắn tin cho một bạn thân  e. Thuyết minh về di tích văn hóa ở địa phương cho khách tham quan.  **GV phát phiếu bài tập 4**  ***a, Tìm một số từ ngữ địa phương nơi em ở hoặc vùng khác mà em biết. Nêu từ những địa phương tương ứng (nếu có).***  **Gợi ý:** Em hãy xem một số chú thích trong các văn bản đã được học ở phần Văn, sử dụng những hiểu biết của mình về từ ngữ địa phương, nêu lên ít nhất 10 ví dụ. Không được lấy lại từ địa phương trong bài học.  b***, Sưu tầm một số câu thơ, ca dao, hò, vè của địa phương có sử dụng từ ngữ địa phương.***  **Gợi ý:**  Hãy xem một số bài ca dao, thơ trong chương trình, xem thêm các tập thơ, ca dao của các địa phương. Ghi vào vở các bài đáp ứng yêu cầu.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS ghi ra phiếu các thông tin theo yêu cầu và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. LUYỆN TẬP**  **Bài 1: HS cần nhận diện được các từ ngữ địa phương sau:**  a. vô  b. ni  c. chừ  d. chi  e. má, tánh  **\* Chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng từ ngữ địa phương trong đoạn ngữ liệu** nhằm tô đậm sắc thái vùng miền, ta có thể dễ dàng cảm thấy sự gần gũi, thân thương qua từng lời văn, hình ảnh trong bài. Đồng thời, nó giúp truyền tải đúng ý nghĩa mà tác giả muốn gửi gắm đến người đọc, người nghe.  **\* Với bài tập 2 hs cần nhận xét việc sử dụng từ ngữ địa phương như sau:**  a. Giồng là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp viết biên bản phải sử dụng từ ngữ toàn dân. Thay từ “giồng” bằng từ “trồng”.  b. Nhớn và giồng là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp này, sử dụng từ ngữ địa phương nhằm tô đậm sắc thái vùng miền, ta có thể dễ dàng cảm thấy sự gần gũi, thân thương qua từng lời văn, hình ảnh trong bài.  c. Tía và ăn ong là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp này, sử dụng từ ngữ địa phương nhằm tô đậm sắc thái vùng miền, ta có thể dễ dàng cảm thấy sự gần gũi, thân thương qua từng lời văn, hình ảnh trong bài.  d. Tui là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp viết biên bản phải sử dụng từ ngữ toàn dân. Thay từ “tui” bằng từ “tôi”.  **\* Với bài tập 3 hs cần biết những trường hợp giao tiếp nào cần tránh dùng từ ngữ địa phương.**  a. Phát biểu ý kiến tại một đại hội của trường  c. Viết biên bản cuộc họp đầu năm của lớp  e. Thuyết minh về di tích văn hóa ở địa phương cho khách thăm quan  **\* Hs sưu tầm các biệt và tìm các từ ngữ toàn dân tương ứng ở bài tập 4**   |  |  | | --- | --- | | **Biệt ngữ xã hội** | **Từ toàn dân** | | **Con tru ( Trung Bộ)** | **Con trâu** | | **Trái mận ( Nam Bộ)** | **Trái roi** | | **Mần ( Nam Bộ)** | **Làm** | | **Tía ( Nam Bộ)** | **Cha** | | **Bù lào ( Trung Bộ)** | **Bí đỏ** | | **Bá ( Trung Bộ)** | **Bác** |   **b,** Ví dụ:  *Đứng bên* ***ni*** *đồng, ngó bên* ***tê*** *đồng, mênh mông bát ngát*  *Đứng bên* ***tê*** *đồng, ngó bên* ***ni*** *đồng, bát ngát mênh mông*  (Ca dao)  ***Bầm*** *ơi, có rét không* ***bầm***  *Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn.*  (*Bầm ơi*, Tố Hữu)  *Trèo lên trên rẫy khoai lang*  *Chẻ tre đan* ***sịa*** *cho nàng phơi khoai.*  (Hò ba lí của Quảng Nam) |

**Hướng dẫn học bài ở nhà:**

**1. Ghi nhớ kiến thức về từ địa phương.**

**2. Làm bài tập sau:**

Em hãy viết một đoạn văn ngắn từ 4 đến 7 câu chủ đề tự chọn. Trong đoạn văn em có sử dụng từ ngữ địa phương. Gạch chân dưới các từ địa phương mà em sử dụng.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**Tiết 8,9,10: ÔN TẬP VIẾT BÀI VĂN KỂ VỀ MỘT CHUYẾN ĐI THAM QUAN DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA.**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Nắm được các bước thực hành làm một bài văn trải nghiệm.

- Năng lực tìm ý, xây dựng cấu trúc một bài văn.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực viết: viết được đoạn văn đúng hình thức và đảm bảo về nội dung, viết được bài văn tự sự hoàn chỉnh.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp tình yêu đối với văn chương, yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NGỮ VĂN**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu:** Nắm vững mục đích, yêu cầu và quy trình viết bài vănkể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa).  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV phát vấn câu hỏi:**  **+** Theo em mục đích của việc viết bài văn kể lại một chuyến đi tham quan di tích lịch sử văn hóa là gì?  + Yêu cầu đối với bài văn kể về một chuyến đi tham quan di tích lịch sử văn hóa là gì?  + Quy trình thực hiện một bài văn...?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời các thông tin theo yêu cầu .**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động** - GV mời 1 – 2 HS nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I/ Tri thức cơ bản cần ghi nhớ**  **1/ Mục đích viết bài văn kể lại một chuyến đi tham quan di tích lịch sử văn hóa là:**  Chia sẻ những hiểu biết và trải nghiệm có được qua chuyến đi, thu hút sự quan tâm của mọi người về di tích lịch sử, văn hoá của dân tộc.  **2/ Những yêu cầu với đối bài văn kể lại một chuyến đi.**  - Giới thiệu được lí do, mục đích của chuyến tham quan một di tích lịch sử, văn hóa.  - Kể được diễn biến chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi…).  - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích (phong cảnh, con người, công trình kiến trúc…).  - Thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ về chuyến đi.  - Sử dụng được yếu tố miêu tả và biểu cảm trong bài viết.  **3/ Quy trình viết bài văn kể lại một chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa.**   * TRƯỚC KHI VIẾT  1. ***Lựa chọn đề tài, tìm hiểu thông tin.*** 2. ***Tìm ý cho bài viết.*** 3. ***Lập dàn ý. Thực chất là sắp xếp các ý trình bày sao cho hợp lí.***  * *Mở bài:*   + Giới thiệu khái quát về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hoá.  + Bày tỏ cảm xúc của em khi được trực tiếp tham gia chuyến đi.   * *Thân bài:* * Kể lại cụ thể diễn biến của chuyến tham quan (trên đường đi, lúc đến điểm tham quan, trình tự các điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi,...). * Thuyết minh, miêu tả và nêu ấn tượng của em về những nét nổi bật của di tích lịch sử, văn hoá đó (thiên nhiên, con người, công trình kiến trúc,...). * *Kết bài:* Nêu cảm xúc, suy nghĩ của em về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hoá. * **VIẾT THÀNH BÀI HOÀN CHỈNH** * **SAU KHI VIẾT: ĐỌC LẠI VÀ CHỈNH SỬA BÀI VIẾT** |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH VẬN DỤNG CÁC KĨ NĂNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu:** HS biết lựa chọn đề tài, sưu tầm tư liệu và thực hiện thành thục các thao tác tìm ý, lập dàn ý để viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa).  **Tổ chức thực hiện:**  **Quy trình 1: Trước khi viết cần lựa chọn đề tài và chuẩn bị tư liệu viết.**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** yêu cầu HS trình bày phần việc GV đã giao chuẩn bị ở nhà từ tiết học trước.  - HS chuẩn bị trình bày các báo cáo là sản phẩm dạy học dự án (Đã giao từ tiết trước.)  - Nhóm 1, 2: Nhóm Phóng viên:  Yêu cầu: Làm video giới thiệu về chuyến đi trải nghiệm của em khi được đến thăm quan một di tích lịch sử tại địa phương.  Ví dụ:  + Đền Nghè, đền Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm…  + Di tích lịch sử đền Tràng Kênh….  - Nhóm 3, 4: Nhóm nghệ sĩ (PP phòng tranh)  **GV hướng dẫn HS lựa chọn đề tài, tổ chức làm việc theo cặp đôi.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  - **Nhịp 1:**  + Em hãy tự chọn một trong những điểm đến của em trong những chuyến đi trải nghiệm để làm đề tài.  **-Nhịp 2:**  **+** Dựa trên những tư liệu đã sưu tầm được, em hãy tìm ý, lập dàn ý cho bài văn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - Xác định nội dung đề tài cho bài viết  - HS tìm ý, lập dàn ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời hai cặp HS đứng lên trình bày dàn ý của nhóm mình sau khi đã thống nhất, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Quy trình 2: Thực hiện viết bài.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  - GV yêu cầu HS:  Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa).  Với 1 địa điểm đến cụ thể.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - HS viết bài ra giấy.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**  - GV mời HS đọc các đoạn, bài đã viết hoàn thành.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - GV gọi HS nhận xét, đánh giá bài bạn.  - GV chốt lỗi cần sửa cho HS.  **Quy trình 3: Sau khi viết**   * **Đọc và sửa lại bài.** | 1. **Lựa chọn đề tài:**   **Ví dụ:**[Viết bài văn kể lại chuyến đi (tham quan di tích lịch sử, văn hóa) đền Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm.](https://vietjack.com/soan-van-lop-8-kn/viet-bai-van-ke-lai-mot-chuyen-di-tham-quan-di-tich-lich-su.jsp)  **2. Tìm ý**  Sau khi lựa chọn được chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa làm đề tài cho bài viết, hãy tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi sau:  - Chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa đền Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm do ai tổ chức? Mục đích của chuyến đi là gì?  - Chuyến đi diễn ra như thế nào? (trên đường đi, lúc bắt đầu đến điểm tham quan, các hoạt động chính tiếp theo,…).  - Khung cảnh của chuyến tham quan có gì nổi bật? (cảnh thiên nhiên, công trình kiến trúc, những hiện vật được trưng bày ở khu di tích,…).  - Em có cảm xúc, suy nghĩ gì về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa đền Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm? (Nêu ấn tượng về chuyến đi; hiểu biết mới về văn hóa, lịch sử của đất nước; tình cảm với quê hương…).  **3. Lập dàn ý**  Sắp xếp các ý đã tìm được vào từng phần để thành dàn ý.  - Mở bài:  + Giới thiệu khái quát về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa.  + Bày tỏ cảm xúc của em khi được trực tiếp tham gia chuyến đi.  - Thân bài:  + Kể lại cụ thể diễn biến của chuyến tham quan (trên đường đi, lúc đến điểm tham quan, trình tự các điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi,…).  + Thuyết minh, miêu tả và nêu ấn tượng của em về những nét nổi bật của di tích lịch sử, văn hóa (thiên nhiên, con người, công trình kiến thúc,…).  - Kết bài:  Nêu cảm xúc, suy nghĩ của em về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa.  **4. Viết bài**  **Bài văn tham khảo**  Để có được một buổi dã ngoại về lịch sử, cô chủ nhiệm lớp em đã xin phép nhà trường cùng ban phụ huynh tổ chức cho chúng em một buổi tham quan. **Ngày chủ nhật mong chờ đã đến, địa điểm nơi lớp em đến là khu di tích lịch sử đền Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm tại Huyện Vĩnh Bảo thành phố Hải Phòng. Chuyến đi này** không những giúp em có điều kiện được chiêm ngưỡng một quần thể công trình kiến trúc cổ được xây dựng và gìn giữ qua biết bao thăng trầm mà còn có cơ hội học hỏi, tìm hiểu về cuộc đời của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm.  Bảy giờ sáng, xe lăn bánh từ cổng trường, cả lớp em vô cùng háo hức. Từ trung tâm thành phố Hải Phòng, xe chúng em đi qua những ruộng thuốc lá xanh rờn xen lẫn cánh đồng lúa chín vàng, chúng em đến thăm Khu di tích Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm trên quê hương ông ở làng Trung Am, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo. Trên con đường trải đầy rơm rạ sau vụ gặt và nồng đượm mùi thuốc lào Tiên Lãng, Vĩnh Bảo nổi tiếng khắp nước, cũng có rất nhiều người như chúng em tìm về Khu di tích, thắp nén hương thơm, tưởng nhớ tới Nguyễn Bỉnh Khiêm, một danh nhân văn hoá, một nhà hiền triết mà sự nghiệp và tên tuổi của ông đã lưu danh mãi cùng đất nước.  Nguyễn Bỉnh Khiêm có tên chữ là Hanh Phủ, tên hiệu là Bạch Vân cư sĩ, sinh năm 1491 tại thôn Cổ Am, huyện Vĩnh Lại, Hải Dương nay là huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng. Sinh trưởng trong một gia đình vọng tộc, thân phụ ông là Thái Bảo Nghiêm quận công Nguyễn Văn Định, thân mẫu là bà Nhữ Thị Thục, con gái quan thượng thư Nhữ Văn Lan, là người giỏi văn thơ và am hiểu lý số, nên Nguyễn Bỉnh Khiêm từ sớm đã hấp thụ truyền thống gia giáo. Tuy nhiên, lớn lên trong giai đoạn lịch sử nhà Lê suy thoái, nhiễu loạn nên suốt thời trai trẻ, Nguyễn Bỉnh Khiêm phải sống trong ẩn dật, không thi thố được tài năng. Mãi tới năm 1535, khi đã 45 tuổi, ông mới đi thi và đỗ Trạng nguyên. Từ đấy, ông làm quan với tân triều, nhà Mạc phong chức Tả thị lang (chức đứng hàng thứ ba trong bộ Hình). Năm 1543, trước cảnh bầy tôi lộng quyền, Nguyễn Bỉnh Khiêm mạnh dạn vạch trần sự tha hóa, thối nát rồi dâng trảm sớ lên vua đối với 18 đình thần biến chất, mưu phản, song không được nhà vua chấp thuận. Ông bèn cáo quan về ở ẩn nơi quê nhà, lập am Bạch Vân, mở trường dạy học, làm thơ, nghiên cứu kinh sử, chắt lọc những tinh hoa của các đạo pháp ngoại lai, bổ sung vào đó tính chất giản dị mà sâu sắc của người Việt để giáo hóa người đời và dạy dỗ học trò thành người có đức có tài, hữu ích cho đất nước. Học trò của ông nhiều người trở thành danh tướng, Trạng nguyên như: Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh, Nguyễn Quyền... Nguyễn Bỉnh Khiêm qua đời năm 1585, ông đã để lại cho hậu thế những tác phẩm văn thơ có giá trị như Tập thơ Bạch Vân gồm hàng trăm bài thơ chữ Hán và hai tập Trình quốc công Bạch vân thi tập và Trình quốc công Nguyễn Bỉnh Khiêm thi với hàng trăm bài thơ chữ Nôm. Thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm mang tính triết lý sâu xa của thời cuộc. Thơ của ông là cả một tấm lòng lo cho nước, thương đời, thương dân, và một tâm hồn suốt đời da diết với đạo lý: "Tiên thiên hạ chi ưu phi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc" (lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ). Là một học giả, học rộng biết nhiều, trong thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm hay nhắc tới sự thăng trầm "thương hải biến vi tang điền" (biển xanh biến thành nương dâu) của trời đất, tạo vật và cuộc đời trôi nổi như "phù vân". Ông thương xót cho "vận mệnh" quốc gia và cảm thông sâu sắc tình cảnh của "dân đen", "con đỏ". Ông thật sự mong muốn đất nước thịnh vượng, thái bình. Tương truyền, để tránh những cuộc binh đao khói lửa, tương tàn cho chúng dân và nhìn thấy trước thời cuộc, "vận mệnh" của đất nước trong hoàn cảnh ấy chưa thể có những lực lượng đảm đương được việc thống nhất, nên khi các tập đoàn phong kiến đến hỏi kế sách, ông đều bày cho họ những phương sách khác nhau để giữ thế "chân vạc". Nguyễn Bỉnh Khiêm còn là nhà triết học lớn của Việt Nam. Ông cũng tinh thông về thuật số, được dân gian truyền tụng và suy tôn là "nhà tiên tri" số một của Việt Nam. Ông đã cho ra đời hàng loạt những lời tiên tri cho hậu thế mà người đời gọi là "Sấm Trạng Trình".  Để tưởng nhớ và khắc ghi những đóng góp của Nguyễn Bỉnh Khiêm, ở làng Trung Am, quê hương của ông, con cháu và dân làng đã xây dựng một khu di tích gồm nhiều hạng mục công trình, là nơi thờ cúng và trưng bày hiện vật về thân thế và sự nghiệp của ông. **Năm 1991, khu** di tích Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm đã được **Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử cấp Quốc gia, trở thành** một địa điểm du lịch văn hóa tâm linh nổi tiếng của Hải Phòng.  Đến với Khu di tích Trạng Trình, từ lúc đặt chân bước qua được cổng tam quan, chúng em đã được nhìn thấy ngay khu đền thờ cụ Trạng.  Ngôi đền được thiết kế dựa trên nền nhà cũ của Trạng Trình và đặt ngay chính giữa là tượng và bài vị của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Tượng ông được làm bằng gỗ, trong thế ngồi trên ngai, mình mặc áo rồng vua ban, đầu đội mũ cánh chuồn, tay phải cầm cuốn tập giơ lên như đang giảng đạo thơ cho các học trò. Phía trước đền là hồ Thái Nhâm, trên khoảng đất giữa hồ có cầu bắc qua còn tấm bia đá làm năm Vĩnh Hựu nhà Lê (1736) ghi lại việc làm đền thờ Trạng và tên những người đã đóng góp xây dựng đền. Phía trước đền chính là hồ Thái Nhâm rộng lên đến 1.000m2. Phía sau được thiết kế mô phỏng Am Bạch Vân với ba gian nhà lớp mái ngói.  Cách đó không xa chính là tượng Trạng Trình ngồi uy nghiêm, trang phục giản dị, nho nhã. Hay thú vị hơn chính là hai bức phù điêu cao hơn 5m, dài hơn 20m được thiết kế tỉ mỉ, công phu nhằm thể hiện rõ nét về cuộc đời bao thăng trầm, sự nghiệp trồng người vẻ vang của Nguyễn Bỉnh Khiêm cũng như tái hiện chân thực từng giai đoạn lịch sử của nước Việt Nam từ khi thực dân Pháp xâm lược đến tận ngày nay.  Dạo quanh các khu vườn tại Khu di tích Trạng Trình, bạn sẽ dễ dàng bắt gặp được những bức tượng được tạc bằng đá với kích cỡ hệt như người thật. Các bức tượng này được sắp xếp một cách có chủ ý nhằm mô tả lại các khung cảnh đời thường trong cuộc sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm như cảnh dân làng mừng rỡ chào đón Trạng Trình từ quan trở về làng hay khi cụ ngồi giảng văn thơ cho các học trò.  Hàng năm cứ đến ngày 23/12, người dân trong vùng và các nơi lại kéo về đền thờ tế lễ, dâng hương tưởng niệm ngày mất của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Bên cạnh phần lễ, phần hội với nhiều trò chơi dân gian đánh vật, kéo co, chọi gà, cờ người… đã mang đến một không khí lễ hội dân gian độc đáo, để lại những ấn tượng tốt đẹp cho du khách trong và ngoài nước.  Sau khi chúng em được cô giáo chủ nhiệm và bác hướng dẫn viên dẫn đi tham quan, tìm hiểu xong toàn bộ khu di tích thì đã đến trưa. Chúng em có khoảng một tiếng rưỡi để ăn uống và nghỉ ngơi. Chúng em tranh thủ ăn thật nhanh, rồi cùng nhau đi dạo quanh làng, ghé vào các quán lưu niệm để mua đồ mang về. Buổi chiều, học sinh cả lớp sẽ tập trung lại để tham gia một số trò chơi tập thể vô cùng hấp dẫn. Cuộc chơi kết thúc cũng là lúc chúng em phải trở về thành phố trong sự tiếc nuối.  Có thể nói, chuyến tham quan đến khu di tích đền Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm thật thú vị và bổ ích. Sau khi trở về, em tin rằng mình sẽ có một bài báo cáo thật hấp dẫn, và sẽ đạt được một kết quả cao nhất. |

**Hướng dẫn học bài ở nhà: hoàn thiện bài tập làm văn theo yêu cầu.**

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**TIẾT 11,12,13,14,15**

**LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; tự giải quyết vấn đề.

2. Năng lực riêng biệt:

- Vận dụng được các kĩ năng để làm một bài tổng hợp.

- Năng lực tạo lập một bài văn.

- Năng lực làm bài đọc hiểu;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực tổng hợp kiến thức đã học vào thực hành làm bài tập.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp tình yêu đối với văn chương, yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu:**  - HS được rèn kĩ năng làm đề tổng hợp: đọc, viết.  - HS được rèn sự linh hoạt, sáng tạo khi làm bài kiểm tra.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \***Cách 1**. GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS.  HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.  **\*Cách 2.** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút.  HS làm việc cá nhân.  HS tiếp nhận nhiệm vuh  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + GV gọi HS chữa đề theo từng phần.  + Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá, chữa lỗi cho HS. | **BÀI LÀM CỦA NỖI HS SAU GIỜ LUYỆN TẬP TỔNG HỢP** |

**ĐỀ SỐ 1**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

[…] *Chàng còn đương hoang mang, thì thấy trong cửa Dương Minh đi ra một người vào trạc hai mươi bảy, hai mươi tám tuổi, chít khăn vàng, mặc áo bào vàng chẽn, đeo kiếm dài, mặt trái xoan, điểm những đường vân tía, trông hao hao nét mặt Khổng Phu Tử, thần khí quang thái, dáng trông uy nghiêm tôn kính, nhưng đạo mạo rất nhân từ. Ấy là vua Thiệu Bảo.*

*Thấy Chiêu Thành vương, vua tươi cười, chàng bước lại phủ phục xuống bên đường, hô vạn tuế. Vua tiến lại, nâng dậy cất lời sang sảng phán:*

*- Xin hoàng thúc bình thân.*

*Vua ép chàng cùng đi song hàng và nói tiếp:*

*- Trẫm muốn nhờ hoàng thúc một việc, không ngờ lại gặp hoàng thúc ở đây, may lắm. Hoàng thúc không cần lên Bắc vội.*

*- Hạ thần xin chờ lệnh thánh.*

*- Hoàng thúc chắc chưa biết rõ. Quân ta thua to quá, Chi Lăng đã mất, Thoát Hoan đánh xuống thế như chẻ tre, quân sĩ lại hung ác giết hại nhân dân rất nhiều. Quốc công kéo đại binh về Vạn kiếp, quân tướng tan vỡ. Trẫm lấy làm lo lắm, nay trẫm muốn về Vạn Kiếp hỏi chuyện Quốc công, nhưng không muốn bày vẽ nghi thượng, trẫm tính đi chiếc thuyền con nhanh và tiện hơn, muốn mong hoàng thúc cùng đi…*

*- Hạ thần xin tuân thánh chỉ.*

*Vương lúc ấy rất thẹn với mình, chàng cảm thấy như mình mang tội lớn với nhà vua, với xã tắc, với cả triều đình. Trong các vương hầu, chàng là người ra trận sau hơn cả, chùng chình mãi đến khi cất quân đi còn ham bề son phấn. Vương coi chính như mình đã mang một trách nhiệm lớn trong sự thất bại của quan quân. Vì thế Vương ngượng nghịu, tuy vua Thiệu Bảo rất ôn tồn không nói gì và cũng không biết gì về chuyện đêm qua. Vua vui vẻ và thân mật bảo chàng:*

*- Vậy hai chú cháu ta cùng đi ngay.*

*- Tâu quan gia, hạ thần xin tuân mệnh, chỉ xin quan gia cho hạ thần báo tin trước cho quân bản bộ kẻo họ nóng ruột vì họ đang sốt sắng ra trận.*

*- Hoàng thúc thực là chu đáo. Vậy hoàng thúc về ngay đây nhé, trẫm cũng còn phải bẩm mệnh Thượng hoàng.*

*Vương mượn một con ngựa phóng ra ngoài thành Long Phượng. Xa xa, cánh đồng đã hiện rõ lá cờ “Tinh Cương”. Chàng tiến lại, Trần Quỹ và đoàn gia tướng ra đón, hai nghìn tráng sĩ thấy chủ về ai nấy đều hớn hở bảo nhau sửa soạn lên đường. Họ bị “giam cầm” nay mới được gia trận, người nào cũng mong chóng được lên Bắc, giao chiến cùng rợ Mông để tỏ chí bình sinh và báo ơn chủ tướng.*

*Trần Quỹ trạc năm mươi tuổi, tóc bạc râu thưa, trông tráng kiện và có vẻ hiền lành cẩn thận. Vương cùng Trần Quỹ và các gia tướng đi thăm đội ngũ, thấy quân ngăn nắp tề chỉnh, quay lại khen Trần Quỹ và bảo mọi người:*

*- Ta phải đi lo một việc khẩn cấp không tiện nói ra đây. Các ngươi mong muốn lên đường, ta biết, nhưng đành vậy, hãy nấn ná chờ ta vài bữa. Ta đi, công việc lớn nhỏ ở nhà giao cả cho Quỹ, các ngươi nên nghe lời Quỹ cũng như nghe lời ta. Đừng có sao nhãng nghề binh, chểnh mảng đội ngũ. Các ngươi chưa ra trận cũng như ra trận rồi, ở nhà mà luyện tập thân thể cho thêm cứng rắn, võ nghệ cho thêm tinh thông, ấy cũng là đánh giặc đấy.*

*Chàng chào mọi người rồi bước ra. Họ có ý thất vọng và dường như ghen cùng chủ, nhưng sau khi hiểu họ không oán chàng nữa, cho rằng việc chàng phải đi đây chắc còn quan trọng gấp mười việc ra trận. Họ cũng thừa hiểu chính vương cũng sốt ruột lắm, không khi nào chàng lại có ý hoãn việc tiến binh [...].*

(Trích ***An Tư*** *–Phần 1,Chương 2*, Nguyễn Huy Tưởng, NXB Thanh niên)

**Chọn đáp án đúng nhất để trả lời các câu hỏi sau:**

**Câu 1.** Kẻ thù nào được nhắc đến trong đoạn trích trên?

A. Giặc phương Bắc

B. Giặc Mông

C. Giặc trong nước

D. Giặc Nguyên

**Câu 2**. Vua Thiệu Bảo muốn Chiêu Thành vương thực hiện nhiệm vụ gì?

A. Đưa quân ra trận đánh giặc

B. Chiêu mộ binh lính, tập luyện để đánh giặc

C. Đánh cờ cùng vua

D. Muốn Chiêu Thành vương đưa vua về Vạn Kiếp hỏi chuyện Quốc công vì giặc giã tấn công quá mạnh.

B. Hai ngàn tráng sĩ

C. Ba ngàn tráng sĩ

D. Bốn ngàn tráng sĩ

**Câu 3.** Các từ ngữ: *hoàng thúc, thánh chỉ, lệnh thánh, tiến binh, tráng sĩ*…là ngôn ngữ đặc trưng cho thể loại truyện gì?

A.Truyện đồng thoại

B.Truyện ngụ ngôn

C. Truyện lịch sử

D. Truyện khoa học viễn tưởng.

**Câu 4.** Vì sao vua Thiệu Bảo muốn về Vạn Kiếp hỏi chuyện Quốc công?

A.Về để báo kết quả đánh giặc thắng lợi.

B. Vì “Quân ta thua to quá, Chi Lăng đã mất… Quốc công kéo đại binh về Vạn kiếp, quân tướng tan vỡ”.

C. Vì Vạn Kiếp là nơi có nhiều tráng sĩ giỏi.

D. Cả A,B.

**Câu 5.** Vì sao các tráng sĩ lại “*có ý thất vọng và dường như ghen cùng chủ*” khi biết chưa được ra trận đánh giặc?

A. Vì họ muốn “mong chóng được lên Bắc, giao chiến cùng rợ Mông để tỏ chí bình sinh và báo ơn chủ tướng”.

B. Vì họ không được đi cùng chủ tướng.

C. Vì họ không giỏi bằng chủ tướng

D. Cả A,B,C

Câu 6. Lời dặn dò*: Ta đi, công việc lớn nhỏ ở nhà giao cả cho Quỹ, các ngươi nên nghe lời Quỹ cũng như nghe lời ta,* chứng tỏ:

A. Chiêu Thành vương muốn quân lính chấp hành mệnh lệnh.

B. Chiêu Thành vương rất tin tưởng về năng lực lãnh đạo quân sĩ của *Quỹ****.***

C. Chiêu Thành vương đã hết cách.

D. Cả A,B,C.

**Trả lời câu hỏi:**

**Câu 7.** Lời căn dặn của Chiêu Thành vương khi cùng Trần Quỹ và các gia tướng đi thăm đội ngũ: “*Đừng có sao nhãng nghề binh, chểnh mảng đội ngũ. Các ngươi chưa ra trận cũng như ra trận rồi, ở nhà mà luyện tập thân thể cho thêm cứng rắn, võ nghệ cho thêm tinh thông, ấy cũng là đánh giặc đấy”* giúp em cảm nhận được điều gì về nhân vật này?

**Câu 8.** Phân tích hiệu quả của phép tu từ so sánh trong câu văn**: “***Quân ta thua to quá, Chi Lăng đã mất, Thoát Hoan đánh xuống thế như chẻ tre, quân sĩ lại hung ác giết hại nhân dân rất nhiều.”*

**Câu 9.** Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 đến 7 câu) trình bày suy nghĩ về trách nhiệm của tuổi trẻ xưa và nay đối với non sông đất nước.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 7:** Chiêu Thành Vương là một vị tướng rất gần gũi và thấu hiểu quân sĩ. Là vị chủ tướng đầy trách nhiệm, biết nhìn xa, trông rộng, biết động viên khích lệ quân sĩ.

**Câu 8:** - **So sánh:** thế như trẻ tre.

**- Tác dụng:**

+ Về nội dung: Nhấn mạnh thế tấn công như vũ bão của quân giặc hung ác, tàn bạo khiến quân ta khó bề chống đỡ đồng thời thể hiện nỗi lo lắng, xót xa của người kể chuyện khi chứng kiến sự thất bại của quân ta.

+ Về nghệ thuật: làm cho câu văn giàu hình ảnh, cách diễn đạt sinh động**,** hấp dẫn.

- Tuổi trẻ xưa, khi đất nước có chiến tranh: chăm chỉ luyện tập; sẵn sàng đánh giặc mà không cần đợi tuổi; sẵn sàng tham gia quân đội khi đủ tuổi…

**ĐỀ SỐ 2**

**Đọc văn bản sau:**

*[…]**Trong một buổi sáng đã có hai người nói với Trần Bình Trọng nhiều điều có ích. Họ chỉ là người lính, người dân bình thường, nhưng đều đã trải qua nhiều trận chiến đấu gay go. Họ đã làm cho Trần Bình Trọng vui lòng và tin rằng họ sẽ làm tròn những công việc ông giao cho. Kể từ khi đất nước có giặc xâm lược, Trần Bình Trọng đã mắt thấy tai nghe nhiều sự việc chứng tỏ tài năng và lòng yêu nước của những người không phải dòng dõi quý tộc. Ông đã được thấy những người lính bình thường lăm lăm ngọn giáo ngắn trong tay, xông thẳng tới trước những tên tướng Nguyên và dùng ngọn giáo ngắn ấy đánh ngã tướng giặc cưỡi trên lưng những con ngựa cao lớn. Ông đã từng giao nhiều việc quân cho những người lính của mình.*

*[…]*

*Ông già làng Xuân Đình chẳng những giảng giải cho Trần Bình Trọng nghe rất kỹ về thế đất vùng Thiên Mạc, mà ông ta còn nhận xét rất đúng phép dùng binh: với thế đất như thế, cách bày trận sẽ phải ra sao. Ông ta nói:*

*- Dải cát sa bồi này chạy dài tít tắp, không rõ đâu là bến bờ. Mặt trước bãi cát là con sông Thiên Mạc rộng mênh mông. Mặt sau lưng nó là bãi lầy Màn Trò ăn mãi vào sâu hàng trăm dặm. Chỗ chúng ta đứng đây là địa thế làng Xuân Đình. Xuân Đình ở đầu bãi lầy Màn Trò, nhưng cũng ở đầu dải cát sa bồi. Từ trước đến nay, ai cũng cho rằng trong bãi lầy không có người ở. Giặc Nguyên hơn ta về quân cưỡi ngựa, ta giỏi hơn chúng về tài đánh trên sông. Nếu như trận đánh xảy ra ở đây, giặc sẽ tránh giao chiến trên sông Thiên Mạc với ta. Chúng sẽ rút lên dải cát sa bồi này, lập thế trận dựa lưng vào bãi Màn Trò để quyết chiến với ta trên vùng đất khô ráo quen với vó ngựa của chúng.*

*Trần Bình Trọng suy nghĩ về lời nói của ông già:*

*- Có phải ông lão cho rằng tướng giặc sẽ lấy dải cát sa bồi này làm đất quyết chiến không?*

*- Chính vậy đấy! Nhưng ta có cách buộc chúng không thể quyết chiến ở đây mà phải chịu những đòn ta đánh ở chỗ khác và ở những hướng khác với ý muốn của chúng.*

*- Ông lão nói nốt đi!- Trần Bình Trọng giục, rõ ràng câu chuyện đã khiến ông thật sự quan tâm.*

*- Đây nhé! Tướng quân xem, chúng muốn đổ quân lên bộ cũng phải dùng những bến thuyền này. Bởi vì ở đây bờ sông thấp, lại có những vụng nhỏ tránh được sóng gió. Nhưng chúng không bao giờ nghĩ rằng chúng có thể bị đánh từ cửa Hàm Tử trở xuống, vì rằng bên kia cửa Hàm Tử là bến Chương Dương thẳng đường về Thăng Long, giặc sẽ dễ dàng ra cứu.*

*Trần Bình Trọng khen thầm. Ông khẽ gật đầu và giơ tay chỉ về phía Màn Trò hỏi tiếp:*

*- Ông lão định phục binh trong đó để đánh vỗ vào lưng quân giặc phải không?*

*- Ấy là nếu lão cầm quân, chứ lão đã trên bảy mươi tuổi đầu rồi và cũng chẳng ai bái lão làm tướng. Nhưng nếu lão cầm quân, lão sẽ bày trận như vậy đó!*

*Gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên. Ông nói to với ông già Xuân Đình:*

*- Ông lão nói rất đúng. Ta cũng sẽ phục quân trong Màn Trò. Như thế, nếu giặc phải giao chiến trên sông Thiên Mạc hay trên bãi sa bồi này chúng đều phải đánh trên thế đất chết của chúng. Binh pháp cũng nói như vậy đấy!*

(Trích ***Bên bờ Thiên Mạc*** *– Chương 3*, Hà Ân, NXB Kim Đồng)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Bối cảnh lịch sử của đoạn trích trên là:

A. Cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên Mông xâm lược của quân dân nhà Trần

B. Thời vua Lê, chúa Trịnh, xã hội phong kiến suy tàn.

C. Cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc.

D. Trong thời kì hòa bình hiện nay.

**Câu 2.** Nhân vật ông già làng Xuân Đình được nói đến trong đoạn trích là ai?

A. Một vị tướng đã giúp nhà Trần đánh giặc.

B. Một người dân thường, có kinh nghiệm đánh giặc.

C. Một vị thần sông.

D. Một người có danh tiếng trong dòng dõi họ Trần.

**Câu 3.** Trong văn bản trên, người kể chuyện là ai?

A. Người kể xưng “tôi” và là nhân vật trong truyện.

B. Người kể xưng “chúng tôi” và là nhân vật trong truyện.

C. Người kể không tham gia vào câu chuyện.

D. Người kể mang tên một nhân vật trong câu chuyện.

**Câu 4.**Nhân vật trong văn bản trên chủ yếu khắc họa ở phương diện nào?

A. Hình dáng

B. Tâm trạng

C. Hành động

D. Lời nói

**Câu 5.**Tác dụng của phép so sánh trong câu: *“Giặc Nguyên hơn ta về quân cưỡi ngựa, ta giỏi hơn chúng về tài đánh trên sông”* là:

A. Khẳng định lợi thế của quân ta là đánh trên sông, để tìm ra kế sách đánh bại giặc.

B. Ca ngợi sức mạnh và ý chí quyết tâm của quân ta.

C. Khẳng định sức mạnh ghê gớm của quân giặc.

D. Thể hiện khao khát đánh thắng giặc.

**Câu 6*.***Vì sao Trần Bình Trọng quyết định cho quân mai phục ở bãi Màn Trò?

A. Vì dải cát sa bồi này chạy dài tít tắp, không rõ đâu là bến bờ.

B. Vì mặt trước bãi cát là con sông Thiên Mạc rộng mênh mông.

C. Vì nơi đây gần làng Xuân Đình.

D. Vì đây là đất chết của quân giặc.

**Câu 7.** Đâu là nhận xét không đúng về nhân vật ông già Xuân Đình trong đoạn trích?

A. Có trí tuệ, giàu kinh nghiệm đánh giặc.

B. Hiểu biết về địa lí của vùng đất Thiên Mạc.

C. Có lòng yêu nước, muốn đóng góp sức lực vào cuộc kháng chiến của dân tộc.

D. Muốn cho Trần Bình Trọng biết mình là người hiểu biết về lũ giặc như thế nào.

**Câu 8.** Tác giả bộc lộ thái độ, tình cảm như thế nào đối với câu chuyện và nhân vật được kể?

A. Lo lắng, sợ hãi.

B. Bình tĩnh, vui vẻ.

C. Khâm phục, tự hào, biết ơn.

D. Say sưa, ngất ngây.

**Trả lời câu hỏi:**

**Câu 9.**Chi tiết “*Gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên. Ông nói to với ông già Xuân Đình:*

*- Ông lão nói rất đúng. Ta cũng sẽ phục quân trong Màn Trò. Như thế, nếu giặc phải giao chiến trên sông Thiên Mạc hay trên bãi sa bồi này chúng đều phải đánh trên thế đất chết của chúng. Binh pháp cũng nói như vậy đấy!*”giúp em hiểu gì về nhân vật Trần Bình Trọng?

**Câu 10***.* Từ văn bản trên, bằng đoạn văn ngắn (5 đến 7 câu) em hãy nêu suy nghĩ của mình về trách nhiệm của tuổi trẻ với đất nước hôm nay.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 9:** Chi tiết “*Gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên.”* giúp em hiểu về nhân vật Trần Bình Trọng:

- Tâm trạng vui mừng phấn khởi của Trần Bình Trọng khi ông nhận ra những kinh nghiệm đánh giặc quý báu từ ông lão Xuân Đình (một người dân thường).

Chi tiết “*Gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên.”* giúp em hiểu về nhân vật Trần Bình Trọng:

- Tâm trạng vui mừng phấn khởi của Trần Bình Trọng khi ông nhận ra những kinh nghiệm đánh giặc quý báu từ ông lão Xuân Đình (một người dân thường).

- Trần Bình Trọng đưa ra quyết định dứt khoát về việc chọn bãi Màn Trò để đánh giặc. Đánh vào điểm yếu của lũ giặc là binh pháp hay.

=> Trần Bình Trọng là vị tướng tài ba, có niềm tin vào nhân dân, có lòng yêu nước, quyết tâm chiến đấu và chiến thắng giặc Nguyên.

**Câu 10:**

-Tuổi trẻ hôm nay được sinh ra và trưởng thành trong bối cảnh đất nước hòa bình, được sống và hưởng thụ những thành quả mà biết bao thế hệ cha ông đã đổi lấy bằng cả xương máu và trí tuệ.

- Thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc (thực hiện nghiêm túc luật nghĩa vụ quân sự, sẵn sàng lên đường khi tổ quốc gọi, tỉnh táo trước các luận điệu xuyên tạc, những âm mưu và hành động thù địch chống phá Đảng và nhà nước của kẻ thù...)

**-** Cống hiến hết mình cho công cuộc xây dựng, phát triển đất nước (không ngừng học tập, trau dồi tri thức, rèn luyện các thói quen tốt, kĩ năng sống cơ bản, dám nghĩ dám làm những việc có ý nghĩa cho đất nước.

**ĐỀ SỐ 3**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn văn sau:**

*Đặng Thuỳ Trâm từng viết: “Đời phải trải qua giông tố, nhưng chớ cúi đầu trước giông tố”. Bất cứ ai trong chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại và thất bại. Bởi không có con đường nào là bằng phẳng, dễ đi, nếu muốn thành công thì trước hết phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình. Có thể nói, thất bại đáng sợ nhất của cuộc đời chính là không chiến thắng bản thân, không nỗ lực theo đuổi mục tiêu, lí tưởng mà mình đã chọn.*

*Quả thực là như vậy, việc kiên trì nỗ lực để cố gắng theo đuổi mục tiêu, lí tưởng là rất quan trọng. Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công. Thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời. Đôi lúc, ta tự trách vì những quyết định sai lầm của mình. Nhưng đó là lúc ta nhận thức và rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc.*

(Theo *Trần Thị Cẩm Quyên*, in trong *Văn học và tuổi trẻ*, số 11 - 2021)

**Trả lời câu hỏi từ câu 1 đến câu 8 bằng cách khoanh tròn vào đáp án đúng nhất:**

**Câu 1.** Đoạn trích trên được viết theo phương thức biểu đạt nào?

1. Tự sự
2. Miêu tả
3. Nghị luận

D. Biểu cảm

**Câu 2.**  Theo tác giả, tại sao *Bất cứ ai trong chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại và thất bại?*

A. Bởi không có con đường nào là bằng phẳng, dễ đi, nếu muốn thành công thì trước hết phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình.

B. Bởi thất bại đáng sợ nhất của cuộc đời chính là không chiến thắng bản thân, không nỗ lực theo đuổi mục tiêu, lí tưởng mà mình đã chọn.

C. Bởi thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời.

D. Bởi cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công

**Câu 3.** Theo em, đâu là câu văn mang luận điểm trong đoạn văn thứ 2?

A. Quả thực là như vậy, việc kiên trì nỗ lực để cố gắng theo đuổi mục tiêu, lí tưởng là rất quan trọng.

B. Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công.

C. Thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời.

D. Nhưng đó là lúc ta nhận thức và rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc.

**Câu 4**. Biện pháp tu từ đã được sử dụng trong câu: “*Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công”.*

A. Ẩn dụ, so sánh

B. So sánh, liệt kê

C. So sánh, điệp ngữ

D. So sánh, nhân hoá

**Câu 5.**  Đoạn văn sau sử dụng phép liên kết nào?

*“Đôi lúc, ta tự trách vì những quyết định sai lầm của mình. Nhưng đó là lúc ta nhận thức và rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc”.*

A. Phép lặp

B. Phép thế

C. Phép nối

D. Phép liên tưởng

**Câu 6.** Từ “*thành công*” trong đoạn văn trên được hiểu như thế nào?

A. Những điều tốt đẹp đang chờ phía trước.

B. Điều mình mong muốn đạt được.

C. Những điều có ích cho cuộc sống.

D. Đạt được kết quả, mục đích như dự định.

**Câu 7.** Dấu ngoặc kép trong câu sau có công dụng gì?

*Đặng Thuỳ Trâm từng viết: “Đời phải trải qua giông tố, nhưng chớ cúi đầu trước giông tố”.*

A. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp

B. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt

C. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo hàm nghĩa mỉa mai

D. Đánh dấu tên tác phẩm

**Câu 8.** Đoạn trích trên gợi cho em nhớ đến câu tục ngữ nào?

A. Đoàn kết là sức mạnh.

B. Thất bại là mẹ thành công.

C. Thất bại là thầy của chúng ta.

D. Đừng sợ thất bại.

**Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9.**Em có tán thành với quan điểm *“Đời phải trải qua giông tố, nhưng chớ cúi đầu trước giông tố”*? Vì sao?

**Câu 10.** Từ đoạn trích trên, em có suy nghĩ gì về ý nghĩa của lòng quyết tâm, sự kiên trì trong cuộc sống. (viết đoạn văn từ 5 đến 7 câu)

**PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (4.0 điểm)**

**Đề bài: Kể lại chuyến đi tham quan của em tại khu di tích lịch sử Tràng Kênh.**

**GỢI Ý VIẾT ĐOẠN VĂN**

Nội dung của đoạn viết:

Nêu được ý nghĩa, vai trò của lòng quyết tâm, sự kiên trì, trong cuộc sống.

+ Lòng quyết tâm, kiên trì *là sự nỗ lực hết mình, tập trung cao độ để đạt mục tiêu.*

+ Lòng quyết tâm, kiên trì là một phẩm chất đáng quý, có vai trò quan trọng đối với mỗi người bởi trong cuộc sống, những khó khăn thử thách ta gặp phải là điều ko tránh khỏi nên phải kiên trì, nhẫn nại, dũng cảm đối mặt và quyết tâm vượt qua

+ Lòng quyết tâm, kiên trì là động lực giúp con người vượt qua khó khăn thử thách để đạt được thành công; chủ động, tự tin trong cuộc sống; bồi dưỡng ý chí nghị lực, trí thông minh, bản lĩnh...

+ Học sinh cần có lòng quyết tâm, kiên trì trong học tập, lao động và cuộc sống để đạt được ước mơ.

**GỢI Ý VIẾT BÀI VĂN**

Để có được một buổi dã ngoại về lịch sử, cô chủ nhiệm lớp em đã xin phép nhà trường cùng ban phụ huynh tổ chức cho chúng em một buổi tham quan. **Ngày chủ nhật mong chờ đã đến, địa điểm nơi lớp em đến là khu di tích lịch sử Tràng Kênh tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chuyến đi này** không những giúp em có điều kiện được chiêm ngưỡng một quần thể công trình kiến trúc đẹp mà còn có cơ hội học hỏi, tìm hiểu rất nhiều kiến thức lịch sử.

Đúng bảy giờ sáng, xe lăn bánh từ cổng trường, cả lớp em vô cùng háo hức. Từ trung tâm thành phố Hải Phòng, xe chúng em đi qua hai cây cầu chúng em thì sang đến huyện Thủy Nguyên. Sau thời gian khoảng 20 phút, xe dừng lại tại quần thể khu di tích lịch sử Tràng Kênh.

Khu di tích Tràng Kênh Hải Phòng có địa chỉ nằm tại thôn Tràng Kênh, thuộc thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, cách trung tâm Thành phố Hải Phòng chỉ 20km về phía Đông Bắc.

Bạch Đằng Giang là 1 khu du tích lịch sử cổ đại nằm trong một khuôn viên rộng lớn, lưng tựa vào núi Tràng Kênh, mặt hướng ra con sông Bạch Đằng với biết bao chiến công lẫy lừng. Nơi đây có  vẻ đẹp thuần khiết, và rất ấn tượng cho khách du lịch khi đến đây. Khi đến đây, du khách cảm nhận được sự thanh bình, trong lành và tĩnh tâm. Môi trường cảnh quan tại đây rất xanh, sạch, đẹp, vị trí sơn thủy hữu tình, nhiều hàng cây tạo bóng mát, luôn có người quét dọn thường xuyên. Du khách đến đây đều tự giác thu gom rác vào nơi quy định. Đây là một điểm sáng về công tác quản lý điểm di tích lịch sử văn hóa rất khoa học, không có việc chen lấn, xô đẩy, ồn ào. Trong khu di tích trồng rất nhiều cây xanh các loại. Trong số đó có các cây cổ thụ, tỏa bóng mát quanh năm, soi bóng xuống dòng sông Bạch Đằng thơ mộng, hùng vỹ. Khu di tích Bạch Đằng Giang rộng 20 ha, được xây dựng bởi các nhà hảo tâm. Nơi đây nằm trong quần thể danh thắng Tràng Kênh, được Nhà nước công nhận năm 1962. Tại đây có ngôi miếu cổ thờ các vong linh tử sĩ chiến đấu, hy sinh trên sông Bạch Đằng. Sau đó, doanh nghiệp và các nhà hảo tâm nâng cấp, tôn tạo.

Theo bước chân và sự hướng dẫn của bác hướng dẫn viên, chúng em đi vào thăm quan khu di tích. Từ cổng vào chúng em đã nhìn thấy một vườn đá cuội và một trụ đá cao chừng 5m, mặt trước có 7 chữ “Giang san vượng khí Bạch Đằng thâu”. Ba mặt trái, phải, sau khắc công lao và thần tích của vua Ngô Quyền, vua Lê Đại Hành và đại vương Trần Hưng Đạo. Đi sâu vào trong là các dãy bon sai, cây cổ thụ. Ngôi đền đầu tiên trong di tích là Tràng Kênh Vọng Đế, thờ vua Lê Đại Hành. Tiếp đó là Linh từ Tràng Kênh thờ Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn, người chỉ huy chiến thắng Bạch Đằng năm 1288, rồi đến đền Bạch Đằng Giang thời Ngô Quyền, đánh thắng quân Nam Hán năm 938. Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh là địa điểm cuối cùng trong tứ linh từ của di tích. Ngoài ra, khu di tích Bạch Đằng Giang còn có: đền thờ Thánh Mẫu, khu nhà bảo tàng trưng bày hiện vật cọc Bạch Đằng được bảo tồn nguyên trạng trong bể thủy tinh. Từ ngôi chùa phỏng theo chùa Đồng (Yên Tử, Quảng Ninh) được xây trên núi Tràng Kênh, du khách sẽ bao quát được toàn cảnh vẻ đẹp của cả vùng Tràng Kênh. Mới đây, khu di tích xây thêm 3 pho tượng đồng tạc Ngô Quyền, Lê Đại Hành và Hưng đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn, mỗi pho tượng cao 11m, đặt trên quảng trường nổi, hướng ra sông Bạch Đằng, xung quanh là một bãi cọc mô phỏng bãi cọc Bạch Đằng xưa kia… Khung cảnh của khu di tích được tô điểm bởi những hàng cau xanh tốt, như những người lính canh gác nơi tiền tiêu.Các học sinh tìm hiểu lịch sử tại khu di tích Bạch Đằng Giang Trong đó, việc duy trì các hoạt động như: trông xe, dọn dẹp vệ sinh đều do người dân tự nguyện tham gia, như một hình thức công đức cho khu di tích. Ban Quản lý không phải trả công nên không đặt nặng vấn đề kinh doanh. Mọi người đều rất tự nguyện, tự giác, mỗi người làm một phần việc. Đến đây tham quan, vãn cảnh, du khách sẽ cảm nhận được thanh tịnh, trang nghiêm và trật tự… Khu vực nhà khách khang trang, rộng rãi có sức chứa 1.000 người, có nước uống miễn phí; khu vực vệ sinh sạch sẽ, nhân viên dọn dẹp thường xuyên.

Ngoài ra, khu di tích Bạch Đằng Giang còn là điểm tham quan lịch sử tích hợp trải nghiệm đối với các du khách, nhất là các bạn trẻ và học sinh các cấp như chúng em. Tại khu Nhà bảo tàng, chúng em được chiêm ngưỡng các hiện vật lịch sử như: cọc Bạch Đằng được bảo tồn nguyên trạng – nhân chứng lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng; sơ đồ diễn biến các trận Bạch Đằng; các di chỉ khảo cổ đồ gốm các thời kỳ Lê, Trần..; lịch sử Việt Nam qua các thời kỳ, hình ảnh các vị lãnh tụ tới thăm, dâng hương và chiêm bái khu di tích. Theo sự thống kê của Ban quản lí khu di tích, chúng em đưoực biết hằng năm, khu di tích đã đón hàng chục đoàn học sinh của các trường học trong và ngoài thành phố đến tham quan, sinh hoạt ngoại khóa, tìm hiểu lịch sử dân tộc. Đây là phương pháp giáo dục lịch sử kết hợp giữa lý thuyết và thực tế, thu hút rất đông các thầy, cô giáo, các phụ huynh và học sinh rất nhiệt tình tham gia.

Quảng trường Chiến thắng là điểm cuối trong chuyến tham quan, công trình được hoàn thành vào cuối năm 2016. Quảng trường lát đá granit vươn ra sông, gồm 3 pho tượng của Đức Ngô Quyền vương, vua Lê Đại Hành và Đức Thánh Trần cao 11m bằng đồng. Mô hình bãi cọc lim bịt sắt gồm 180 cọc được phục dựng lại dưới lòng sông.

Sau khi chúng em được cô giáo chủ nhiệm và bác hướng dẫn viên dẫn đi tham quan, tìm hiểu xong toàn bộ khu di tích thì đã đến trưa. Chúng em có khoảng một tiếng rưỡi để ăn uống và nghỉ ngơi. Chúng em bảo nhau tranh thủ ăn thật nhanh, rồi cùng đi dạo quanh khu di tích, tham gia một số trò chơi tập thể vô cùng hấp dẫn. Cuộc chơi kết thúc cũng là lúc chúng em phải trở về thành phố trong sự tiếc nuối.

Có thể nói, chuyến tham quan đến khu di tích Tràng Kênh thật thú vị và bổ ích. Sau khi trở về, em tin rằng mình sẽ có một bài báo cáo thật hấp dẫn, và sẽ đạt được một kết quả cao nhất.